

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET

ĐIỀU LỆ

(Sửa đổi, bổ sung lần thứ 7)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Định nghĩa và giải thích.....	1
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	2
Điều 3. Tư cách pháp nhân của Công ty.....	2
Điều 4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	2
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	3
Điều 6. Phạm vi kinh doanh.....	3
Điều 7. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty.....	3
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	6
Điều 8. Vốn điều lệ, Cổ phần.....	6
Điều 9. Chứng chỉ Cổ phiếu.....	11
Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	12
Điều 11. Chuyển nhượng, chuyển giao Cổ phần.....	13
Điều 12. Mua lại Cổ phần.....	14
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	16
Điều 13. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	16
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	17
Điều 14. Quyền của Cổ đông.....	17
Điều 15. Nghĩa vụ của Cổ đông.....	19
Điều 16. Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 18. Các đại diện được ủy quyền.....	21
Điều 19. Thay đổi các quyền.....	22
Điều 20. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 22. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 23. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 24. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	30
Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	32
Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	32
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	33

Điều 27.	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	33
Điều 28.	Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị.....	36
Điều 29.	Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	38
Điều 30.	Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	39
Điều 31.	Điều kiện họp và việc biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị	40
Điều 32.	Nghị quyết bằng văn bản thông qua không cần họp Hội đồng quản trị.....	42
Điều 33.	Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	42
Điều 34.	Các Ủy ban và Tiểu ban của Hội đồng quản trị	43
VIII.	TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	43
Điều 35.	Tổ chức bộ máy quản lý.....	43
Điều 36.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	43
Điều 37.	Phó Tổng Giám đốc	45
Điều 38.	Kế toán trưởng	46
Điều 39.	Người phụ trách quản trị Công ty	46
Điều 40.	Không kiêm nhiệm.....	46
IX.	NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ.....	46
Điều 41.	Trách nhiệm căn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý, quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	46
Điều 42.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột quyền lợi	47
Điều 43.	Hiệu lực của một số hợp đồng	48
Điều 44.	Nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị, Cán bộ quản lý.....	49
Điều 45.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	50
Điều 46.	Miễn trừ trách nhiệm cá nhân	50
X.	ỦY BAN KIỂM TOÁN.....	50
Điều 47.	Ủy ban kiểm toán	50
XI.	QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	51
Điều 48.	Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ.....	51
XII.	NGƯỜI LAO ĐỘNG	52
Điều 49.	Người lao động	52
XIII.	PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	52
Điều 50.	Cổ tức.....	52
XIV.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	54
Điều 51.	Tài khoản ngân hàng.....	54
Điều 52.	Trích lập các quỹ.....	54
Điều 53.	Năm tài chính.....	54
Điều 54.	Chế độ kế toán	55
XV.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	55

Điều 55.	Tài khoản và chứng từ	55
Điều 56.	Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	56
XVI.	KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	56
Điều 57.	Kiểm toán Công ty	56
XVII.	CON DẤU	56
XVIII.	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI THỂ	57
Điều 58.	Chấm dứt hoạt động.....	57
Điều 59.	Trường hợp bất đồng giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông.....	57
Điều 60.	Thay đổi thời hạn hoạt động	57
Điều 61.	Giải thể.....	57
XIX.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	58
Điều 62.	Giải quyết tranh chấp nội bộ	58
XX.	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	58
Điều 63.	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	58
XXI.	QUY ĐỊNH BẢO MẬT.....	59
Điều 64.	Định nghĩa Thông tin mật	59
Điều 65.	Tiết lộ Thông tin mật	59
XXII.	CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC	60
Điều 66.	Pháp luật ban hành sau.....	60
Điều 67.	Các điều khoản không hợp pháp, không hiệu lực, không có khả năng thực thi.....	60
Điều 68.	Văn bản chấp thuận của Cơ quan Nhà nước	60
Điều 69.	Thông báo	60
XXIII.	NGÀY HIỆU LỰC	61
Điều 70.	Ngày hiệu lực.....	61
PHỤ LỤC 1.	ĐỊNH NGHĨA	63
PHỤ LỤC 2.	THÔNG TIN VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, CHI NHÁNH, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CỦA CÔNG TY	67
PHỤ LỤC 3.	DANH MỤC NGÀNH NGHỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỦA CÔNG TY	68

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----****-----

PHẦN MỞ ĐẦU

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 (“**Luật Doanh nghiệp**”) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“**Luật Chứng khoán**”) và các văn bản hướng dẫn thi hành; và
- Căn cứ Luật Hàng không Dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không Dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2014 (“**Luật Hàng không**”) và các văn bản hướng dẫn thi hành; và
- Căn cứ nhu cầu hoạt động và quản trị của Công ty cổ phần hàng không VietJet (“**Công ty**”).

Bản Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua theo nghị quyết số /VJC-ĐHĐCĐ-NQ ngày tháng năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa và giải thích

1.1 Định nghĩa

Các thuật ngữ được viết hoa dùng trong Điều lệ này được định nghĩa tại Phụ lục I trừ khi ngữ cảnh của một quy định cụ thể trong Điều lệ yêu cầu phải hiểu khác.

1.2 Giải thích

- (a) Tất cả các Phụ lục của Điều lệ này là một phần của Điều lệ và sẽ có cùng hiệu lực thi hành như thể được quy định tại phần nội dung của Điều lệ.
- (b) Các tiêu đề chỉ được dùng để trình bày nhằm tạo thuận lợi cho việc dẫn chiếu và không ảnh hưởng đến nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

2.1 Tên tiếng Việt của Công ty là:

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET

2.2 Tên giao dịch tiếng Anh của Công ty là:

VIETJET AVIATION JOINT STOCK COMPANY

2.3 Tên viết tắt của Công ty là: **VIETJET., JSC**

2.4 Địa chỉ trụ sở đăng ký: 302/3 phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84-4) 3728 1828

Fax: (84-4) 3728 1838

Email: info@vietjetair.com

Website: www.vietjetair.com

2.5 Hội đồng quản trị của Công ty có quyền thay đổi địa chỉ trụ sở đăng ký, mở hoặc đóng chi nhánh, văn phòng đại diện và các địa điểm kinh doanh, giao dịch khác của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quy định của Pháp luật.

2.6 Thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, giao dịch của Công ty được thể hiện chi tiết tại Phụ lục II Điều lệ này và được sửa đổi, bổ sung theo từng thời kỳ.

2.7 Thời hạn hoạt động của Công ty là không giới hạn, trừ khi chấm dứt hoạt động theo quy định tại [Điều 58](#) hoặc thay đổi thời hạn hoạt động theo quy định tại [Điều 60](#) của Điều lệ này và quy định khác của Pháp luật.

Điều 3. Tư cách pháp nhân của Công ty

Công ty cổ phần Hàng không VietJet là một công ty cổ phần có tư cách pháp nhân độc lập và có trách nhiệm hữu hạn. Công ty được thành lập, tồn tại và hoạt động theo Pháp luật và theo Điều lệ này.

Điều 4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 03 (ba) Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và một Phó Tổng Giám đốc.

Tuỳ theo yêu cầu từ thực tiễn hoạt động trong từng thời kỳ, Công ty có thể có thêm số lượng người đại diện theo pháp luật. Số lượng cụ thể người đại diện theo pháp luật sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Quyền và nghĩa vụ cụ thể của từng người đại diện theo pháp luật do Hội đồng quản trị quy định.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Công ty được thành lập với mục tiêu phát triển thành một hãng hàng không tư nhân tiên tiến với đội tàu bay mới, hiện đại và với đội ngũ bay chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm, đáp ứng nhu cầu của các khách hàng trong nước và quốc tế; tiến hành các hoạt động kinh doanh và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ khác theo quy định của Pháp luật; tạo việc làm và thu nhập cho người lao động trong Công ty; đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế xã hội và sự tiến bộ của cộng đồng.

Điều 6. Phạm vi kinh doanh

- 6.1 Ngành nghề kinh doanh của Công ty được quy định chi tiết tại Phụ lục III Điều lệ này.
- 6.2 Công ty được phép hoạt động trong khuôn khổ Pháp luật và Điều lệ này nhằm đạt hiệu quả kinh tế tốt nhất cho các Cổ đông. Các thông tin điều chỉnh về ngành nghề kinh doanh (nếu phát sinh) sẽ được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty phù hợp Pháp luật và sẽ được cập nhật vào Điều lệ trong lần sửa đổi, bổ sung gần nhất.

Điều 7. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty

7.1 Quyền hạn của Công ty

Công ty có quyền được hưởng các ưu đãi tối đa mà Pháp luật hoặc các Cơ quan Nhà nước cho phép liên quan đến mọi lĩnh vực của hoạt động sản xuất và kinh doanh như thuế, phí và lệ phí, tiền và/hoặc tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, việc xây dựng và sử dụng cơ sở hạ tầng v.v... Công ty được tiến hành những hoạt động mang lại lợi ích cho Công ty hoặc cho việc kinh doanh mà Công ty được phép thực hiện hoặc Pháp luật không cấm, bao gồm nhưng không giới hạn những hoạt động sau:

- (a) Tổ chức bộ máy kinh doanh phù hợp với mục tiêu, ngành nghề, nhiệm vụ của Công ty;
- (b) Tự do tìm kiếm thị trường, các đối tác kinh doanh trong hay ngoài nước; tự do giao kết hợp đồng và/hoặc thực hiện giao dịch hay các hoạt động kinh doanh khác với các đối tác trong hoặc ngoài nước với điều kiện không vi phạm điều cấm của Pháp luật hay Điều lệ này;
- (c) Đổi mới công nghệ, trang thiết bị và sử dụng phù hợp với yêu cầu phát triển và hiệu quả kinh doanh của Công ty;
- (d) Đặt Chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và phòng giao dịch của Công ty ở trong và ngoài nước theo quy định của Pháp luật; tìm kiếm thị trường, trực tiếp hoặc thông qua người đại diện, đại lý hoặc nhà thầu giao dịch và ký kết hợp đồng, thoả thuận hoặc các cam kết với các đối tác ở trong và ngoài nước;

- (e) Quyết định giá mua, bán cổ phiếu và các giấy tờ có giá các loại và các tài sản khác của Công ty;
- (f) Thuê, trả lương, kỷ luật, thưởng và sa thải các Cán bộ quản lý, nhân viên và công nhân;
- (g) Thuê, chỉ định, ký kết hoặc ủy quyền cho bất kỳ đại lý hoặc nhà thầu nào nếu thấy cần thiết cho công việc kinh doanh của mình;
- (h) Mua, thuê hoặc sở hữu hợp pháp bất động sản, thiết bị và tất cả các loại tài sản khác bao gồm nhà cửa và quyền sử dụng đất;
- (i) Bán, cho thuê hoặc chuyển nhượng bất động sản, thiết bị và tất cả các loại tài sản khác bao gồm nhà cửa và quyền sử dụng đất khi cần thiết; mua, thuê, cho thuê, bán, chuyển nhượng và/hoặc sửa chữa máy bay, trong và ngoài nước theo yêu cầu hoặc hoạt động của Công ty, bằng bất kỳ loại tiền tệ nào; tiến hành việc giải thể và thanh lý tài sản của Công ty khi chấm dứt hoạt động của Công ty;
- (j) Thuê hoặc sử dụng tất cả các loại dịch vụ cần thiết, bao gồm thuê luật sư, kiểm toán viên, tư vấn, chuyên gia, kiến trúc sư, kỹ sư, đại lý và nhà thầu để hỗ trợ cho hoạt động Công ty;
- (k) Khi có đủ điều kiện, Công ty có quyền phát hành cổ phiếu, trái phiếu và các công cụ tài chính khác trên thị trường chứng khoán theo quy định pháp luật về chứng khoán; tăng hoặc giảm Vốn điều lệ và sử dụng các nghiệp vụ tài chính khác khi hoạt động kinh doanh đòi hỏi; tham gia đầu tư vào chứng khoán, các công cụ tài chính và các hoạt động đầu tư sinh lời khác trên cơ sở bảo toàn và phát triển vốn, phù hợp với các quy định tại Điều lệ này;
- (l) Duy trì các quan hệ tài chính với tất cả các tổ chức tài chính trong và ngoài nước, bao gồm việc vay vốn hoặc tham gia các giao dịch tài chính với bất kỳ tổ chức, định chế hay cá nhân nào, bằng bất kỳ loại tiền tệ gì, tại Việt Nam hoặc nước ngoài; sử dụng các phương thức phân bổ vốn hợp pháp để thực hiện việc kinh doanh; tham gia vào các giao dịch và hoạt động ngoại hối;
- (m) Vay hoặc cho vay, bảo lãnh, bồi hoàn thế chấp, cầm cố và tạo lập các biện pháp bảo đảm khác trên bất kỳ tài sản nào cũng như quyền nhận thanh toán, các lợi ích và quyền tài sản khác của mình để đảm bảo cho các khoản vay hoặc các cam kết khác có liên quan đến nghĩa vụ của mình hoặc của người thứ ba;
- (n) Tiến hành các vụ kiện hoặc bảo vệ quyền lợi của mình trong các vụ kiện;
- (o) Thực hiện việc phân phối lợi nhuận và xử lý các khoản lợi nhuận hoặc thua lỗ, các tài sản, nợ và các khoản thu từ việc thanh lý các tài sản của Công ty; lập và sử dụng các quỹ theo Điều lệ này và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- (p) Tái đầu tư các khoản lợi nhuận vì lợi ích của Công ty;

- (q) Mua bảo hiểm cho Công ty nói chung và cho các tài sản của Công ty nói riêng; mua các loại bảo hiểm xã hội và/hoặc y tế cho nhân viên của Công ty nếu Pháp luật yêu cầu; trong một số trường hợp, phụ thuộc vào chính sách nhân sự và các hợp đồng lao động có liên quan, Công ty có thể mua các loại bảo hiểm khác cho nhân viên và/hoặc các Cán bộ quản lý; Công ty có thể chuyển nhượng dưới bất kỳ hình thức nào các đơn bảo hiểm và/hoặc các khoản có thể thu được từ các loại bảo hiểm cho các mục đích hợp pháp, bao gồm việc bảo đảm cho các khoản vay của Công ty;
- (r) Đăng ký, thi hành và được bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ và/hoặc nhận chuyển giao hay chuyển nhượng các quyền sở hữu trí tuệ, các công nghệ mới, bí quyết sản xuất từ các bên chuyển nhượng hay chuyển giao tại nước ngoài hoặc Việt Nam tuân thủ các yêu cầu của Pháp luật;
- (s) Quảng cáo và khuyến mãi các sản phẩm và dịch vụ của Công ty;
- (t) Yêu cầu thanh toán và thanh toán hàng hoá, dịch vụ bằng tiền USD, các ngoại tệ khác hoặc bằng tiền VND mà Hội đồng quản trị có thể quyết định theo quy định của Pháp luật;
- (u) Thay đổi phạm vi và nội dung hoạt động của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào khi Đại hội đồng cổ đông thấy cần thiết, với điều kiện phải có sự chấp thuận của Cơ quan Nhà nước nếu Pháp luật yêu cầu;
- (v) Thành lập công ty liên doanh với các tổ chức và cá nhân Việt Nam hoặc nước ngoài và đầu tư vốn vào các công ty Việt Nam hoặc nước ngoài khác phù hợp với Pháp luật Việt Nam và/hoặc Pháp luật nước sở tại;
- (w) Thực hiện hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu cần thiết cho Công ty hoặc phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với Pháp luật;
- (x) Chủ động tiến hành và quản lý hoạt động kinh doanh và áp dụng bất kỳ phương thức quản lý cần thiết nào để thực hiện các hoạt động này;
- (y) Tiến hành tất cả các hoạt động hợp pháp khác và thực thi tất cả các hợp đồng, thỏa thuận, văn bản và văn kiện pháp lý khác nếu xét thấy cần thiết cho mục tiêu hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty;
- (z) Tái cơ cấu, chấm dứt hoạt động của các công ty con và phát triển hoạt động kinh doanh sản xuất của Công ty; và
- (aa) Các quyền hạn khác theo quy định của Pháp luật và của Công ty theo từng thời kỳ.

7.2 Nghĩa vụ của Công ty

Công ty có các nghĩa vụ sau:

- (a) Chịu trách nhiệm trước các Cổ đông về kết quả sản xuất kinh doanh;
- (b) Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với các chức năng, nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu của thị trường;

- (c) Tìm kiếm các cơ hội kinh doanh phù hợp với mục tiêu và phạm vi hoạt động của Công ty;
- (d) Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của Pháp luật;
- (e) Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các vấn đề liên quan khác định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Nhà nước, của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo này;
- (f) Chịu sự kiểm tra, thanh tra của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo đúng Pháp luật;
- (g) Không ngừng đổi mới công nghệ sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất; tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất được giao, bố trí dây chuyền sản xuất hợp lý nhằm tạo thuận lợi cao, thúc đẩy quá trình sản xuất kinh doanh;
- (h) Thực hiện các quy định của Cơ quan Nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, di tích lịch sử văn hoá, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, công tác phòng cháy chữa cháy;
- (i) Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ, hạch toán kế toán, kế toán thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do Pháp luật khác quy định, chịu trách nhiệm về tính xác thực của Báo cáo tài chính của Công ty;
- (j) Sử dụng có hiệu quả tài sản của Công ty trên cơ sở bảo toàn và phát triển vốn;
- (k) Thực hiện các khoản phải thu và các khoản phải trả trong bảng cân đối kế toán của Công ty tại thời điểm chuyển đổi (kể cả các chi phí hợp lý của Công ty trước khi thành lập, được Hội đồng quản trị chấp thuận);
- (l) Công bố công khai Báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của Pháp luật; đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của Công ty;
- (m) Thực hiện các nghĩa vụ về nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của Pháp luật; và
- (n) Các nghĩa vụ khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 8. Vốn điều lệ, Cổ phần

8.1 Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty là số vốn được ghi nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty. Tổng số Cổ phần của Công ty bằng với Vốn điều lệ của Công ty chia cho mệnh giá của Cổ phần.

8.2 Ngoài Vốn điều lệ quy định tại Điều 8.1, Công ty có thể huy động vốn thông qua các hình thức:

- (a) Phát hành Cổ phiếu mới (ở trong và ngoài nước) theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật có liên quan; hoặc
- (b) Vay vốn dưới các hình thức khác nhau từ các định chế tài chính hoặc các tổ chức và cá nhân khác trong và ngoài nước; hoặc
- (c) Vay vốn của các Cổ đông dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc các hình thức vay khác; hoặc
- (d) Phát hành trái phiếu Công ty hoặc các công cụ tài chính khác trên thị trường chứng khoán tập trung hoặc không tập trung ở trong và ngoài nước phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định Pháp luật khác có liên quan; hoặc
- (e) Vay tín dụng thương mại thông qua mua hàng trả chậm và các hình thức tín dụng thương mại khác; hoặc
- (f) Huy động vốn từ các nguồn khác phù hợp với các quy định của Pháp luật.

Để phục vụ mục đích vay vốn, Công ty có quyền thế chấp, cầm cố và tạo lập các biện pháp bảo đảm phù hợp với Pháp luật. Nếu bên cho vay là pháp nhân nước ngoài có yêu cầu, việc vay có thể được điều chỉnh bằng Pháp luật nước ngoài nếu việc áp dụng luật nước ngoài không bị Pháp luật Việt Nam cấm.

8.3 Sử dụng Vốn điều lệ

Vốn điều lệ và/hoặc phần vốn thặng dư do phát hành Cổ phần ra bên ngoài sẽ được sử dụng vì mục đích kinh doanh và các mục đích khác của Công ty nếu được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phê duyệt theo Điều lệ này hoặc theo quy định của Pháp luật.

8.4 Tăng Vốn điều lệ

- (a) Hội đồng quản trị có thể kiến nghị để Đại hội đồng cổ đông xem xét và ra quyết định phát hành thêm cổ phần cho Cổ đông hiện hữu, phát hành ra công chúng hoặc phát hành riêng lẻ, với điều kiện là giá của mỗi cổ phần mới này, sau khi đã tính gộp cả chi phí phát hành và các chi phí có liên quan khác, không được thấp hơn giá trị thị trường của mỗi Cổ phần tại thời điểm bán Cổ phần hoặc giá trị của Cổ phần được ghi trong sổ sách tại thời điểm gần nhất, ngoại trừ các trường hợp sau:
 - i. Cổ phần chào bán lần đầu sau khi đăng ký kinh doanh;
 - ii. Cổ phần chào bán cho tất cả các Cổ đông theo tỷ lệ Cổ phần của họ ở Công ty vào thời điểm phát hành được xác định theo Sổ Đăng ký Cổ đông;
 - iii. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc bảo lãnh. Trong trường hợp này, giá chào bán cổ phiếu không thấp hơn giá thị trường trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới, bảo lãnh. Tỷ lệ hoa hồng được xác định bằng tỷ lệ phần trăm của giá trị Cổ phần tại thời điểm chào bán;

- iv. Cổ phần ưu đãi dành cho cán bộ, nhân viên của Công ty; hoặc
 - v. Những trường hợp khác nếu được sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông.
- (b) Việc Công ty phát hành cổ phiếu ra công chúng hoặc phát hành cổ phiếu khi đang niêm yết trên thị trường chứng khoán sẽ phải đáp ứng và tuân thủ các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- (c) Liên quan tới việc phát hành cổ phiếu thì Công ty, tất cả các Cổ đông, Hội đồng quản trị, các Cán bộ quản lý và tất cả các nhân viên của Công ty phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về cung cấp thông tin, hoạt động lành mạnh và minh bạch, cũng như bất kỳ yêu cầu nào khác của Pháp luật chứng khoán. Nghiêm cấm mọi hành vi bán khống, mua bán nội gián, thông tin sai sự thật và lũng đoạn thị trường cũng như các hoạt động bất hợp pháp khác liên quan đến giao dịch chứng khoán.
- (d) Việc phát hành thêm cổ phiếu phải tuân thủ theo quy định của Pháp luật và theo quy định của Điều lệ này, bao gồm các điều kiện về giá cả, phương thức thanh toán, chuyển nhượng, nhượng lại, chuyển đổi, tước quyền hoặc những điều kiện khác.
- (e) Các hình thức tặng Vốn điều lệ khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định Pháp luật.

8.5 Giảm Vốn điều lệ

Việc giảm Vốn điều lệ phải được thực hiện trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông nhưng phải đảm bảo mức Vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của Pháp luật. Việc giảm Vốn điều lệ phải tuân theo các điều kiện và thủ tục do Pháp luật quy định.

8.6 Cổ phần

- (a) Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định phát hành các loại Cổ phần ưu đãi vào từng thời điểm theo quy định của Pháp luật và Điều lệ bao gồm nhưng không hạn chế Cổ phần ưu đãi biểu quyết, Cổ phần ưu đãi cổ tức, Cổ phần ưu đãi hoàn lại và Cổ phần ưu đãi khác. Trong trường hợp Công ty tiến hành chào bán Cổ phiếu ra công chúng hoặc vào các thời điểm phù hợp khác, các Cổ đông chiến lược hoặc nhân viên của Công ty sẽ được mua Cổ phần ưu đãi hoặc Cổ phần phổ thông của Công ty với giá ưu đãi theo quy định của Pháp luật và phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp cần thiết Đại hội đồng cổ đông cũng có thể ủy quyền cho Hội đồng quản trị trong phạm vi này.
- (b) Mệnh giá của mỗi Cổ phần phổ thông sẽ là 10.000 (mười ngàn) VND. Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định việc chia tách giá trị Cổ phần. Giá của mỗi Cổ phần của Công ty sau khi niêm yết trên thị trường chứng khoán sẽ tuân theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và/hoặc của trung tâm hay sở giao dịch chứng khoán có liên quan.
- (c) Công ty có thể mua Cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả Cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định tại Điều 12 Điều lệ và Pháp luật hiện hành.

Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn thi hành liên quan.

- (d) Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành Cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành Cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- (e) Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác phù hợp với quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8.7 Quyền biểu quyết của Cổ đông

- (a) Mỗi Cổ phần phổ thông cho phép Cổ đông sở hữu có một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- (b) Cổ đông sở hữu Cổ phần ưu đãi biểu quyết sẽ có số phiếu biểu quyết theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi phát hành Cổ phần ưu đãi biểu quyết đó.
- (c) Cổ đông sở hữu Cổ phần ưu đãi cổ tức, Cổ phần ưu đãi hoàn lại và các loại Cổ phần ưu đãi khác mà không phải là Cổ phần ưu đãi biểu quyết sẽ không được phép biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị, trừ trường hợp quy định tại điểm (e) [Điều 23.2](#) Điều lệ này, hoặc Pháp luật có quy định khác hoặc được Đại hội đồng cổ đông quyết định khác.

8.8 Thanh toán mua Cổ phần do Công ty phát hành thêm

- (a) Trong trường hợp Công ty phát hành thêm Cổ phần để tăng Vốn điều lệ, việc thanh toán tiền mua Cổ phần phát hành thêm của các Cổ đông có thể được thực hiện bằng:
 - i. Tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi; hoặc
 - ii. Vàng; hoặc
 - iii. Bất động sản, giá trị quyền sử dụng đất; hoặc
 - iv. Giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật; hoặc
 - v. Cổ phần và/hoặc phần vốn góp mà Cổ đông góp trong các công ty hay các tổ chức khác được Hội đồng quản trị Công ty đồng ý tiếp nhận; hoặc
 - vi. Thiết bị máy móc mới, hiện đại và là loại Công ty thực sự có nhu cầu sử dụng lâu dài mà việc góp vốn bằng thiết bị hay máy móc này sẽ có lợi bằng hoặc hơn về hiệu quả kinh tế và tài chính cho Công ty so với việc Công ty mua các thiết bị và máy móc đó từ các nhà cung cấp bên ngoài hay đi thuê; hoặc
 - vii. Tài sản có giá trị khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam được Hội đồng quản trị đồng ý tiếp nhận.
- (b) Đối với tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc tổ chức định giá định giá trước khi góp vốn vào Công ty. Hội đồng quản trị và người góp vốn thỏa thuận định giá hoặc do một tổ

chức thẩm định giá định giá. Trường hợp tổ chức thẩm định giá định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được người góp vốn và Hội đồng quản trị chấp thuận.

(c) Trong trường hợp Pháp luật hoặc Đại hội đồng cổ đông yêu cầu, việc thanh toán mua Cổ phần có thể được chứng nhận bằng biên bản trong đó ghi rõ:

- i. Tên và địa chỉ của Cổ đông thực hiện việc thanh toán;
- ii. Tên và địa chỉ của Công ty;
- iii. Mô tả tài sản và giá trị của tài sản được dùng để thanh toán; và
- iv. Địa điểm và thời điểm giao tài sản.

Các Cổ đông sẽ ký tất cả các văn bản hoặc chứng thư và tiến hành các thủ tục cần thiết, bao gồm việc đăng ký, chứng nhận, công chứng, để thực hiện việc chuyển nhượng một cách hợp pháp cho Công ty tất cả những tài sản được dùng để thanh toán mua Cổ phần.

(d) Vốn và tài sản được góp vào Công ty để thanh toán mua Cổ phần phải:

- i. Thuộc sở hữu hợp pháp của Cổ đông cho đến khi chuyển giao sang cho Công ty theo Điều này. Đối với tài sản thuộc sở hữu Nhà nước, trước khi được góp vào Công ty thì việc góp vốn đó phải được sự chấp thuận của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật có hiệu lực vào thời điểm góp vốn;
- ii. Hoàn toàn không bị hạn chế về quyền sở hữu hay sử dụng sau khi đã góp vào Công ty; và
- iii. Hoàn toàn không liên quan đến lợi ích của bất cứ người thứ ba nào dưới bất kỳ hình thức nào, bao gồm nhưng không giới hạn việc tạo lập các biện pháp cầm cố, thế chấp hoặc các hình thức bảo đảm khác cũng như bị kèm theo các điều kiện hoặc quyền về khấu trừ, cưỡng chế hoặc sai áp tài sản của người thứ ba đó, kể cả khi người thứ ba đó là Cơ quan Nhà nước.

(e) Ngay sau khi vốn và tài sản được góp vào Công ty để thanh toán mua Cổ phần, vốn và tài sản đó sẽ trở thành tài sản toàn quyền sở hữu của Công ty và không có Cổ đông nào còn có bất kỳ quyền lợi nào đối với tài sản đó hoặc có quyền khiếu nại, không thừa nhận hoặc tranh chấp với Công ty về quyền sở hữu của Công ty đối với tài sản đó.

(f) Cổ đông phải bảo vệ Công ty chống lại bất kỳ khiếu nại, tố cáo hoặc yêu cầu đòi lại tài sản hoặc yêu cầu cưỡng chế, sai áp hoặc khấu trừ tài sản của bất kỳ người thứ ba nào và phải bồi hoàn cho Công ty bất kỳ chi phí hoặc tổn thất nào về mặt tài chính cũng như uy tín mà Công ty phải gánh chịu do hậu quả của những việc vừa nêu trong khoản này.

8.9 Sổ Đăng ký cổ đông

- (a) Công ty sẽ lập Sổ đăng ký cổ đông như là một tài liệu pháp lý về quyền sở hữu Cổ phần của mỗi Cổ đông và các thông tin về Vốn điều lệ và tỷ lệ góp Vốn điều lệ của từng Cổ đông. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung sau:
- i. Tên và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - ii. Tổng số Cổ phần được quyền chào bán; loại Cổ phần được quyền chào bán và số Cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - iii. Số lượng và giá trị của Cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - iv. Thông tin về Cổ đông, số lượng Cổ phần sở hữu của mỗi Cổ đông và tỷ lệ góp Vốn điều lệ của từng Cổ đông, ngày đăng ký Cổ phần; và
 - v. Các chi tiết khác do Hội đồng quản trị quy định vào từng thời điểm.
- (b) Sổ đăng ký cổ đông sẽ được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc tổ chức khác có chức năng lưu giữ theo quy định của Pháp luật.
- (c) Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi Cổ đông trong Sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của Cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- (d) Cổ đông phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị biết về bất kỳ sự thay đổi địa chỉ nào của họ. Trong trường hợp Công ty không nhận được thông báo trên, tất cả các thông báo, tuyên bố hoặc mọi thông tin khác sẽ được gửi cho Cổ đông theo địa chỉ mới nhất lưu trong Sổ đăng ký cổ đông.
- (e) Công ty không có quyền hủy bỏ hoặc từ bỏ bất kỳ một tài liệu nào trong số các hồ sơ sau trong vòng 12 (mười hai) năm hoặc một thời hạn dài hơn nếu Pháp luật có quy định:
- i. Đơn chuyển nhượng Cổ phần đã được đăng ký hoặc các chứng từ, tài liệu khác làm cơ sở cho việc điều chỉnh các thông tin trong Sổ đăng ký cổ đông;
 - ii. Cổ phiếu đã bị hủy bỏ;
- và Công ty sẽ phải chịu trách nhiệm chứng minh tính chính xác của bất kỳ các thông tin hoặc thiếu sót nào ghi chép trong Sổ đăng ký cổ đông nếu Công ty không tuân thủ theo các điều khoản trên đây.

Điều 9. Chứng chỉ Cổ phiếu

- 9.1 Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định phát hành Cổ phần ghi sổ thay vì phát hành Cổ phiếu, sau khi Cổ đông đã được ghi tên vào trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải cấp cho Cổ đông này Cổ phiếu cho các Cổ phần mà người này sở hữu theo như quy định của [Điều 9.3](#) Điều lệ này.

- 9.2 Tùy thuộc vào [Điều 9.4](#) Điều lệ này, mỗi Cổ đông sẽ được nhận Cổ phiếu cho số Cổ phần mà Cổ đông này sở hữu, mà không phải trả bất kỳ một khoản chi phí nào. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty thay thế các Cổ phiếu đại diện cho các Cổ phần mà họ sở hữu bằng một Cổ phiếu chung.
- 9.3 Hình thức của Cổ phiếu phát hành do Hội đồng quản trị quyết định và tuân thủ theo mẫu do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành (nếu Pháp luật đòi hỏi sự tuân thủ này). Trong phạm vi được Pháp luật quy định hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị, Cổ phiếu bao gồm các thông tin chủ yếu dưới đây:
- (a) Tên và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - (b) Mã số doanh nghiệp và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - (c) Loại Cổ phần, mệnh giá Cổ phần, số lượng và tổng mệnh giá của số Cổ phần ghi trên Cổ phiếu;
 - (d) Thông tin Cổ đông;
 - (e) Chữ ký mẫu của Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty;
 - (f) Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành Cổ phiếu; và
 - (g) Đối với Cổ phiếu Ưu đãi thì phải quy định hình thức ưu đãi và điều kiện chuyển nhượng.
- 9.4 Nếu Cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ phát hành Cổ phiếu mới theo yêu cầu của Cổ đông có liên quan với điều kiện Cổ đông sở hữu phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu Cổ phần và cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại Cổ phiếu mới. Cổ phiếu mới sẽ có hiệu lực bãi bỏ và thay thế Cổ phiếu cũ, với điều kiện là Cổ đông sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả các khoản tổn thất, phí tổn và chi phí cho Công ty. Cổ đông có thể được yêu cầu phải thanh toán các khoản chi phí này như là điều kiện để phát hành Cổ phiếu mới, dù rằng các chi phí này có thể đã phát sinh thực tế hoặc chưa phát sinh.
- 9.5 Trường hợp Cổ đông chỉ chuyển nhượng một số Cổ phần trong một chứng chỉ Cổ phiếu, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số Cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành phải có dấu và chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 11. Chuyển nhượng, chuyển giao Cổ phần

11.1 Chuyển nhượng Cổ phần

- (a) Cổ đông Công ty có quyền chuyển nhượng Cổ phần nhưng phải tuân thủ các quy định có liên quan của Công ty và Điều lệ này. Việc chuyển nhượng Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong thời gian đương nhiệm thực hiện theo quy định của Pháp luật.
- (b) Việc chuyển nhượng Cổ phần chỉ được xem là hoàn tất sau khi các chi tiết liên quan đến người được chuyển nhượng đã được ghi chép vào trong Sổ đăng ký cổ đông theo như quy định trong điểm (a) [Điều 8.9](#) Điều lệ này. Cổ phiếu được niêm yết tại HOSE sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và quy định của HOSE.
- (c) Việc chuyển nhượng Cổ phần của Công ty sẽ được thực hiện theo Pháp luật về chứng khoán và/hoặc tập quán giao dịch chứng khoán tồn tại vào thời điểm đó với điều kiện tập quán đó không trái với Pháp luật Việt Nam.

11.2 Chuyển giao Cổ phần

- (a) Nếu một Cổ đông là cá nhân chết thì những trường hợp sau đây sẽ được Công ty thừa nhận có tất cả các quyền và nghĩa vụ đối với Cổ phần của Cổ đông đã chết (trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác):
 - i. Người được thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của Cổ đông đó;
 - ii. Người được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chỉ định trong trường hợp Cổ đông chết nhưng không có người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật hay nếu có nhưng người được thừa kế đó từ chối nhận số Cổ phần mà Cổ đông đã chết để lại; và
 - iii. Những Người đồng sở hữu hợp nhất còn sống trong trường hợp Cổ đông chết nhưng không có người thừa kế và Cổ phần được đồng sở hữu hợp nhất bởi những người này.

Với điều kiện bản thân những người kể trên sẽ có trách nhiệm chứng minh mình có đầy đủ quyền thừa hưởng hợp pháp đối với số Cổ phần từ Cổ đông đã chết và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực cũng như các vấn đề khác liên quan đến quyền thừa hưởng của mình và phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty trong trường hợp Công ty có thiệt hại về uy tín và vật chất do việc đã công nhận người thừa hưởng đó là Cổ đông của Công ty đối với số Cổ phần mà Cổ đông đã chết để lại. Trong trường hợp có tranh chấp phát sinh liên quan đến quyền thừa hưởng số Cổ phần của Cổ đông đã chết, Công ty sẽ không công nhận bất kỳ ai là Cổ đông đối với số Cổ phần đó cho đến khi có phán quyết cuối cùng của Toà án hoặc cơ quan xét xử có thẩm quyền về quyền thừa hưởng đối với số Cổ phần đó.

- (b) Đối với Cổ đông là tổ chức chấm dứt hoạt động hoặc cơ cấu lại tổ chức, Công ty sẽ thừa nhận những người sau đây là Cổ đông của Công ty đối với số Cổ phần mà Cổ đông là tổ chức đó sở hữu (trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác):
- i. Người mua hoặc được chuyển giao lại số Cổ phần đó dù là mua hoặc chuyển giao số Cổ phần đó một cách riêng rẽ hoặc gộp chung trong tổng tài sản thanh lý trong trường hợp Cổ đông đó thanh lý để giải thể hoặc phá sản hoặc trong trường hợp chia, tách pháp nhân. Việc mua bán và chuyển giao Cổ phần phải tuân thủ các quy định tại Điều lệ này về chuyển nhượng, chuyển giao Cổ phần;
 - ii. Pháp nhân mới trong trường hợp hợp nhất pháp nhân mà Cổ đông có liên quan là một bên được hợp nhất để tạo nên pháp nhân mới đó;
 - iii. Pháp nhân nhận sáp nhập trong trường hợp sáp nhập pháp nhân mà Cổ đông có liên quan là pháp nhân được sáp nhập; và
 - iv. Các đối tượng khác theo quy định của Pháp luật liên quan đến tái cơ cấu và tổ chức lại của một pháp nhân;

với điều kiện những người kể trên có trách nhiệm chứng minh mình có đầy đủ quyền sở hữu hợp pháp đối với số Cổ phần từ Cổ đông chấm dứt hoạt động hoặc cơ cấu lại tổ chức và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực cũng như các vấn đề khác liên quan đến quyền sở hữu của mình và phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty trong trường hợp Công ty có thiệt hại về uy tín và vật chất do việc đã công nhận người đó là Cổ đông của Công ty đối với số Cổ phần mà Cổ đông chấm dứt hoạt động hoặc cơ cấu lại tổ chức để lại. Trong trường hợp có tranh chấp phát sinh liên quan đến quyền sở hữu số Cổ phần của Cổ đông chấm dứt hoạt động hoặc cơ cấu lại tổ chức, Công ty sẽ không công nhận bất kỳ ai là Cổ đông đối với số Cổ phần đó cho đến khi có phán quyết cuối cùng của Tòa án hoặc cơ quan xét xử có thẩm quyền về quyền thừa hưởng đối với số Cổ phần đó.

- (c) Bằng việc gia nhập Công ty với tư cách Cổ đông, mỗi Cổ đông thừa nhận và đồng ý tuân thủ các quy định về thừa kế Cổ phần hoặc sở hữu Cổ phần trong trường hợp Cổ đông chết hoặc chấm dứt hoạt động hay tái cơ cấu như quy định trong Điều lệ này.
- (d) Một người có quyền thừa hưởng đối với Cổ phần vì lý do Cổ đông sở hữu Cổ phần này chết hoặc bị chấm dứt hoạt động (trong trường hợp Cổ đông là tổ chức) sẽ có mọi quyền đối với Cổ phần như thể người này là Cổ đông, kể từ thời điểm các thông tin của họ được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông theo các quy định tại Điều lệ này.

Điều 12. Mua lại Cổ phần

12.1 Công ty được mua lại Cổ phần sau khi đáp ứng các điều kiện và hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật chứng khoán.

12.2 Mua lại Cổ phần theo yêu cầu Cổ đông:

- (a) Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại Cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng Cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này;
- (b) Hội đồng quản trị Công ty xem xét và quyết định việc mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại điểm (a) [Điều 12.2](#) Điều lệ này. Nguồn vốn để mua lại Cổ phần theo quy định tại điểm (a) [Điều 12.2](#) Điều lệ này được trích từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được sử dụng để bổ sung Vốn điều lệ theo quy định của Pháp luật;
- (c) Trong trường hợp Công ty mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông theo quy định tại điểm (a) và điểm (b) [Điều 12.2](#) Điều lệ này thì giá mua sẽ tương đương giá thị trường hoặc giá do các bên thỏa thuận hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của Pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Việc mua lại được thực hiện trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hoặc một thời hạn khác theo thỏa thuận của các bên. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì Cổ đông đó có thể bán Cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá để định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

12.3 Mua lại Cổ phần theo quyết định của Công ty:

- (a) Công ty có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ Cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán bằng thặng dư vốn, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, nguồn vốn khác phù hợp theo quy định sau đây:
 - i. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần của từng loại đã bán trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày bán. Trong trường hợp khác, việc mua lại Cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
 - ii. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại Cổ phần. Đối với Cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm (b) [Điều 12.3](#) Điều lệ này. Đối với Cổ phần loại khác, giá mua theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- (b) Công ty có thể mua lại Cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ Cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại Cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả Cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số Cổ phần và loại Cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên

tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông chào bán Cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại Cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán Cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán phải có họ, tên, địa chỉ liên hệ, số giấy tờ pháp lý của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc; số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số Cổ phần sở hữu và số Cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của Cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông. Công ty chỉ mua lại Cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

12.4 Điều kiện thanh toán và xử lý Cổ phần được mua lại gồm:

- (a) Công ty chỉ được quyền thanh toán Cổ phần được mua lại cho Cổ đông theo quy định tại [Điều 12.2](#) và [Điều 12.3](#) của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số Cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
- (b) Cổ phần được mua lại theo quy định tại [Điều 12.2](#) và [Điều 12.3](#) của Điều lệ này được coi là Cổ phần chưa bán và thuộc số Cổ phần được quyền chào bán. Công ty phải đăng ký giảm Vốn điều lệ tương ứng tổng giá trị mệnh giá các Cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại Cổ phần, trừ trường hợp Pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
- (c) Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu Cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi Cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ Cổ phiếu gây ra đối với Công ty.
- (d) Sau khi thanh toán hết số Cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số Cổ phần mua lại.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 13. Cơ cấu tổ chức quản lý

Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Tổng Giám đốc; và
- Ban điều hành.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14. Quyền của Cổ đông

- 14.1 Cổ đông là chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số Cổ phần và loại Cổ phần mà Cổ đông sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- 14.2 Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
- (a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với một phiếu biểu quyết cho mỗi Cổ phần phổ thông;
 - (b) Được bổ nhiệm để giữ các chức vụ quản lý trong Công ty nếu có đủ các điều kiện nắm giữ các chức danh đó theo quy định của Điều lệ này;
 - (c) Được nhận cổ tức tại thời điểm và với giá trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của Điều lệ này;
 - (d) Được tự do chuyển nhượng Cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này, quy định có liên quan của Công ty và của Pháp luật;
 - (e) Được ưu tiên mua Cổ phần mới chào bán theo quy định của Điều lệ này;
 - (f) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản của Công ty với tỷ lệ tương ứng với số Cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán tất cả các khoản nợ cho tất cả các chủ nợ và những người được ưu tiên thanh toán hơn theo quy định của Pháp luật và sau khi thanh toán cho các Cổ đông ưu đãi (nếu có) phù hợp với quyền của Cổ đông ưu đãi đó theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - (g) Tùy thuộc vào quy định tại [Điều 48](#) của Điều lệ, được xem thông tin và tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty (ngoại trừ các Thông tin mật quy định tại [Điều 64 Điều lệ này](#));
 - (h) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
 - (i) Được yêu cầu Công ty mua lại Cổ phần của mình trong các trường hợp được Pháp luật quy định hoặc các trường hợp khác được Hội đồng quản trị chấp thuận với mức giá thỏa thuận hoặc mức giá do một tổ chức thẩm định giá xác định;
 - (j) Thực hiện việc bỏ phiếu từ xa trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (nếu có);
 - (k) Được đối xử công bằng, theo đó, mỗi Cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau;

- (l) Được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty;
 - (m) Được bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình; và
 - (n) Có các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
- 14.3 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:
- (a) Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - (b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Điều 115.3 của Luật Doanh nghiệp;
 - (c) Đề nghị hủy nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo trình tự, thủ tục Pháp luật quy định trong trường hợp nội dung nghị quyết đó vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này; và
 - (d) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và theo quy định của Pháp luật.
- 14.4 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số Cổ phần phổ thông trở lên, ngoài các quyền được quy định tại [Điều 14.3](#) Điều lệ này, còn có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.
- 14.5 Cổ đông sở hữu Cổ phần ưu đãi biểu quyết có quyền và nghĩa vụ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của Pháp luật.
- 14.6 Cổ đông sở hữu Cổ phần ưu đãi cổ tức:
- (a) có quyền và nghĩa vụ như Cổ đông sở hữu Cổ phần phổ thông, nhưng không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị, trừ trường hợp quy định tại điểm (e) [Điều 23.2](#) của Điều lệ này;
 - (b) được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của Cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty. Cổ tức cố định, cổ tức thưởng và phương thức xác định cổ tức thưởng được Đại hội đồng cổ đông quyết định và được ghi trên Cổ phiếu của Cổ phần ưu đãi cổ tức.
- 14.7 Cổ đông sở hữu Cổ phần ưu đãi hoàn lại:
- (a) có quyền và nghĩa vụ như Cổ đông sở hữu Cổ phần phổ thông, nhưng không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị, trừ trường hợp quy định tại điểm (e) [Điều 23.2](#) của Điều lệ này;

- (b) được Công ty hoàn lại vốn góp bất cứ khi nào theo yêu cầu của Cổ đông đó hoặc theo các điều kiện được Đại hội đồng cổ đông quyết định và được ghi tại Cổ phiếu của Cổ phần ưu đãi hoàn lại.
- 14.8 Cổ đông sở hữu các loại Cổ phần ưu đãi khác sẽ có các quyền và nghĩa vụ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông mỗi khi Công ty phát hành loại Cổ phần ưu đãi đó.

Điều 15. Nghĩa vụ của Cổ đông

15.1 Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

- (a) Tuân thủ Điều lệ và các quy chế của Công ty; chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- (b) Giám sát và cho ý kiến về hoạt động của Công ty;
- (c) Chịu trách nhiệm đối với hoạt động kinh doanh của Công ty trong phạm vi số Cổ phần đã góp;
- (d) Bảo vệ hình ảnh, uy tín, lợi ích, tài sản của Công ty;
- (e) Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể uỷ quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông;
- (f) Thanh toán tiền mua Cổ phần theo số lượng Cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định;
- (g) Cung cấp chính xác địa chỉ đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức, địa chỉ liên lạc, bao gồm địa chỉ cư trú và địa chỉ thư điện tử, đối với Cổ đông là cá nhân khi đăng ký mua Cổ phần hoặc khi có sự thay đổi thông tin liên lạc của Cổ đông;
- (h) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - i. Vi phạm pháp luật; hoặc
 - ii. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; hoặc
 - iii. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty;
- (i) Không được rút vốn đã góp bằng Cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại Cổ phần. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn Cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị Cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra (nếu có);

- (j) Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác, trừ khi việc cung cấp đó phù hợp với Điều lệ này hoặc theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty; và
 - (k) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại Pháp luật và Điều lệ này.
- 15.2 Trong thời gian xây dựng và phát triển Công ty, Công ty có thể phải vay vốn để phục vụ cho đầu tư và kinh doanh, nếu các tổ chức tín dụng hoặc bên cho vay khác yêu cầu các Cổ đông phải bảo lãnh khoản vay, các Cổ đông có trách nhiệm bảo lãnh các khoản vay đó theo tỷ lệ vốn góp của mình trong Vốn điều lệ.
- 15.3 Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các Cổ đông khác. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

Điều 16. Đại hội đồng cổ đông

- 16.1 Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thực thi tất cả các quyền hạn của Công ty nhưng không làm giảm hoặc giới hạn các quyền của Hội đồng quản trị được quy định theo Điều lệ này.
- 16.2 Ngoài các quyền hạn nêu dưới đây, Đại hội đồng cổ đông có thể xem xét và giao một số quyền hạn của mình cho Hội đồng quản trị vào từng thời điểm theo yêu cầu và hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 16.3 Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định của Điều lệ này.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Bên cạnh các quyền đã được quy định theo Pháp luật hoặc Điều lệ này và không làm ảnh hưởng đến các quyền của Cổ đông, Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định đối với các vấn đề sau:

- 17.1 Quyết định các loại cổ phần mới sẽ được phát hành, quyền lợi, quyền ưu đãi, quyền hạn và đặc quyền của mỗi loại Cổ phần và số lượng Cổ phần được phát hành đối với mỗi loại;
- 17.2 Quyết định mức cổ tức hằng năm mà Công ty chi trả;
- 17.3 Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; trong trường hợp cần thiết, có thể yêu cầu Hội đồng quản trị đệ trình việc bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng để Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt;
- 17.4 Xem xét và quyết định xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Kế toán trưởng gây thiệt hại cho Công ty và/hoặc cho các Cổ đông của Công ty;
- 17.5 Quyết định tái tổ chức, tái cấu trúc, tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

- 17.6 Quyết định bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ này; quyết định tăng/giảm Vốn điều lệ;
- 17.7 Quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn các Báo cáo tài chính hằng năm;
- 17.8 Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- 17.9 Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- 17.10 Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập, quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- 17.11 Quyết định ngân sách hoặc tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác của các thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo tiền thù lao của thành viên Hội đồng quản trị ;
- 17.12 Phê duyệt quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
- 17.13 Quyết định mua lại hơn 10% Cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đã phát hành;
- 17.14 Quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn Giao dịch với Người có liên quan được đề cập tại điểm (a) và (b) [Điều 43.1](#);
- 17.15 Trong trường hợp cần thiết, Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị thực hiện một số quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đề xuất của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có nghĩa vụ báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện các công việc được giao cho Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp gần nhất; và
- 17.16 Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 18. Các đại diện được ủy quyền

- 18.1 Mỗi Cổ đông có quyền cử người đại diện cho quyền lợi của mình tại Công ty. Mỗi Cổ đông có thể cử nhiều hơn một người đại diện cho mình. Những người đại diện khác nhau có quyền có ý kiến và biểu quyết khác nhau. Trường hợp Cổ đông cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số Cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp Cổ đông không xác định số Cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số Cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền. Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số Cổ phần phổ thông có thể cử tối đa (03) ba người đại diện theo ủy quyền.
- 18.2 Việc chỉ định hoặc hủy bỏ tư cách người đại diện theo ủy quyền phải được lập thành văn bản gửi đến Hội đồng quản trị và sẽ có hiệu lực khi Hội đồng quản trị nhận được văn bản này. Người đại diện theo ủy quyền được Cổ đông chỉ định không được ủy quyền lại cho người khác và cũng không được thực hiện các quyền khác ngoài phạm vi được ủy quyền theo văn bản ủy quyền. Người đại diện theo ủy quyền không nhất thiết phải là Cổ đông.
- 18.3 Việc cử người đại diện theo ủy quyền không ảnh hưởng đến quyền của Cổ đông được trực tiếp tham dự và tham gia biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà Cổ đông đã có người đại diện theo ủy quyền. Trong trường hợp này, việc ủy quyền coi như đương nhiên chấm dứt và không có giá trị pháp lý ràng buộc các bên liên quan.

- 18.4 Văn bản chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải theo mẫu do Công ty quy định phù hợp Pháp luật và đảm bảo yêu cầu sau đây:
- (a) Trường hợp Cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi cổ đông và người đại diện theo ủy quyền; và
 - (b) Trường hợp Cổ đông là tổ chức thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi người đại diện theo pháp luật của tổ chức và người đại diện theo ủy quyền.
- 18.5 Trong trường hợp Hội đồng quản trị thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể ban hành mẫu giấy ủy quyền để sử dụng trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phù hợp quy định của Pháp luật.
- 18.6 Trừ trường hợp quy định tại [Điều 18.3](#) Điều lệ này, phiếu bầu của đại diện được ủy quyền hợp lệ vẫn được coi là có hiệu lực ngay cả khi Cổ đông ủy quyền xảy ra các trường hợp sau:
- (a) Chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;
 - (b) Hủy bỏ việc ủy quyền; hoặc
 - (c) Hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;
- trừ khi Hội đồng quản trị nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện trên 10 (mười) giờ trước khi bắt đầu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 18.7 Người đại diện theo ủy quyền nhân danh Cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Mọi hạn chế của Cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với người thứ ba.
- 18.8 Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Cổ đông ủy quyền.
- 18.9 Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm với Cổ đông ủy quyền do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. Cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm với người thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Điều 19. Thay đổi các quyền

- 19.1 Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại Cổ phần ưu đãi có hiệu lực theo quy định tại điểm (e) [Điều 23.2](#) Điều lệ này.
- 19.2 Thủ tục tiến hành các cuộc họp như vậy được thực hiện theo quy định tại các Điều 21, [Điều 22](#) và Điều 23 Điều lệ này.
- 19.3 Trừ khi các điều khoản phát hành Cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại Cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân

phôi lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các Cổ phần cùng loại.

Điều 20. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

- 20.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền quyết định việc gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 20.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chuẩn bị chương trình nghị sự của mỗi Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể giao cho Tổng Giám đốc chuẩn bị chương trình nghị sự của mỗi Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét, phê duyệt và chịu trách nhiệm sau cùng đối với nội dung chương trình nghị sự của cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp luật và Điều lệ, đặc biệt thông qua các Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và dự toán cho năm tài chính tiếp theo.
- 20.3 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
- (a) Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu cần thiết theo quy định Pháp luật và Điều lệ này;
 - (b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông;
 - (c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - (d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - (e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - (f) Xác định thời gian và địa điểm họp; và
 - (g) Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp.
- 20.4 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường sẽ được Hội đồng quản trị triệu tập trong các trường hợp sau:
- (a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - (b) Theo đề nghị của các kiểm toán viên độc lập (nếu xét thấy cần thiết);
 - (c) Số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà Pháp luật quy định hoặc khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn 2/3 (hai phần ba) số thành viên quy định trong Điều lệ này;

- (d) Theo yêu cầu bằng văn bản của (i) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên 5% (năm phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông trở lên hoặc (ii) ít nhất 03 (ba) thành viên Hội đồng quản trị.

Cá nhân hoặc đơn vị yêu cầu triệu tập Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường phải nêu trong yêu cầu của mình gửi Hội đồng quản trị về lý do, mục đích, các vấn đề sẽ được thảo luận và các giải pháp kiến nghị lên Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

- 20.5 Trừ trường hợp Pháp luật quy định khác, Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập bằng thông báo mời họp và tài liệu cuộc họp do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Phó chủ tịch Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền gửi đến từng Cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp theo địa chỉ cư trú, địa chỉ hộp thư điện tử hoặc tin nhắn đến số điện thoại đã đăng ký trong Sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của Cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Thông báo về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.

Các tài liệu phục vụ cho cuộc họp bao gồm: chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, phiếu biểu quyết có thể được gửi kèm theo văn bản thông báo mời họp hoặc thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty với điều kiện thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

- 20.6 Việc ngẫu nhiên không gửi được thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông đến bất kỳ người nào có quyền nhận thông báo này hoặc việc bất kỳ ai trong số những người này không nhận được thông báo này sẽ không làm gián đoạn cuộc họp và không ảnh hưởng đến hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên, việc Công ty không thực hiện được việc giao thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông đến địa chỉ ghi trong Sổ đăng ký cổ đông hoặc địa chỉ thư điện tử đăng ký với Công ty không được coi là sự cố bất ngờ trong mọi trường hợp. Trong trường hợp có tranh chấp về vấn đề này, Công ty có trách nhiệm phải chứng minh là thông báo đã được gửi đi một cách đúng đắn. Ngoài ra, nếu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị triệu tập lại vì không đủ số đại biểu tối thiểu, ngay lập tức Công ty sẽ phải cố gắng để xác nhận bằng fax, thư điện tử, điện thoại hoặc các phương tiện thông tin tương tự để thông báo cho Cổ đông việc triệu tập lại họp Đại hội đồng cổ đông về thời gian và địa điểm được dời lại của phiên họp.

- 20.7 Với sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản trị, các Cổ đông có thể tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng các phương tiện điện tử kết nối trực tiếp khác, với điều kiện mỗi Cổ đông này phải nghe được những Cổ đông khác có mặt tại đại hội và các Cổ đông có mặt phải nghe rõ những gì Cổ đông này phát biểu. Hình thức tham dự này được xem như tương đương với việc đích thân tham dự. Trong trường hợp đó, việc bỏ phiếu sẽ được tiến hành theo cách thức phù hợp với phương tiện trao đổi thông tin.

20.8 Thành viên Hội đồng quản trị, cho dù người này không là Cổ đông, đều có quyền tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

21.1 Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- (a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được tiến hành khi có sự hiện diện của số Cổ đông hoặc người đại diện của Cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.
- (b) Nếu số đại biểu dự họp tối thiểu cần có tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không hiện diện trong vòng 60 (sáu mươi) phút sau khi phiên họp dự kiến bắt đầu, hoặc nếu trong quá trình họp Đại hội đồng cổ đông số đại biểu hiện diện dưới mức tối thiểu, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được triệu tập lần thứ hai trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp lần thứ nhất và số đại biểu dự họp tối thiểu cần có tại Cuộc họp này (Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của họ) từ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- (c) Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại [điểm \(b\) Điều 21.1](#) này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp.
- (d) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể bao gồm hình thức hội nghị giữa các Cổ đông, trong đó một số hoặc tất cả Cổ đông đang ở những địa điểm khác nhau, với điều kiện là những người này phải:
 - i. Có khả năng nghe được những người khác tham dự phát biểu tại Cuộc họp; và
 - ii. Có khả năng giao tiếp được với tất cả các Cổ Đông khác cùng lúc một cách trực tiếp, thông qua điện thoại hội nghị hoặc bằng hình thức thông tin liên lạc khác. Mỗi Cổ đông tham gia vào cuộc họp sẽ được xác định là có mặt tại buổi họp nếu được Cổ đông đó xác nhận việc đó bằng chữ ký của mình, bao gồm cả chữ ký điện tử.

21.2 Kiến nghị thay đổi nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông

- (a) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày bắt đầu phiên họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên của Cổ đông hoặc các Cổ đông kiến nghị, số lượng Cổ phần của mỗi Cổ đông này đang sở hữu, chữ ký và những vấn đề kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung vào nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

- (b) Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại [điểm \(a\) Điều 21.2](#) Điều lệ này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- i. Kiến nghị được gửi đến Công ty không đúng quy định tại điểm (a) Điều 21.2 Điều lệ này; hoặc
 - ii. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; hoặc
 - iii. Người kiến nghị không xuất trình hoặc gửi kèm đủ các giấy tờ theo quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ.

Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

- 22.1 Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông và trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- 22.2 Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc từng đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký Cổ đông, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông bầu trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa. Nếu Đại hội đồng cổ đông không bầu thì thành viên ban kiểm phiếu sẽ được chủ tọa chọn. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người.
- 22.3 Cổ đông hoặc người đại diện được uỷ quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- 22.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ tọa phiên họp Đại hội đồng cổ đông. Nếu cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đều không có mặt trong vòng 45 (bốn mươi lăm) phút sau khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông dự kiến bắt đầu, các thành viên Hội đồng quản trị khác có mặt sẽ bầu một thành viên trong số họ làm chủ tọa nếu người này muốn đảm nhận hoặc, nếu chỉ có duy nhất một thành viên Hội đồng quản trị có mặt, thành viên này sẽ làm chủ tọa nếu người này muốn đảm nhận. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
- 22.5 Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa

- cuộc họp. Quyết định của chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
- 22.6 Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp Đại hội đồng cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội đồng cổ đông nếu nhận thấy rằng (a) Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp, (c) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết, hoặc (d) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, chủ tọa có thể hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi có sự nhất trí hoặc theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn cuộc họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày dự định khai mạc. Cuộc họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại cuộc họp bị hoãn trước đó.
- 22.7 Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại [Điều 22.6](#) Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các nghị quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
- 22.8 Chủ tọa hoặc thư ký cuộc họp có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số Cổ đông tham dự.
- 22.9 Chủ tọa có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc người đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà chủ tọa cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ đông hoặc người đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ đông hoặc người đại diện nói trên không cho tham gia đại hội.
- 22.10 Chủ tọa, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được cho là thích hợp để:
- (a) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông; hoặc
 - (b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó; hoặc
 - (c) Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Cuộc họp.
- 22.11 Chủ tọa có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
- 22.12 Trong trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, chủ tọa khi xác định địa điểm cuộc họp có thể:

- (a) Thông báo rằng cuộc họp sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa sẽ có mặt tại đó (“**Địa điểm chính của đại hội**”);
- (b) Bố trí, tổ chức để những Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự cuộc họp;

Thông báo về việc tổ chức cuộc họp không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

22.13 Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi Cổ đông sẽ được coi là tham gia cuộc họp tại Địa điểm chính của đại hội.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 23. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

23.1 Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau đây:

- (a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty; hoặc
- (b) Định hướng phát triển Công ty; hoặc
- (c) Loại Cổ phần và tổng số Cổ phần của từng loại; hoặc
- (d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; hoặc
- (e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% (Năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; hoặc
- (f) Thông qua Báo cáo tài chính hằng năm; hoặc
- (g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

23.2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có đủ các điều kiện sau đây:

- (a) Được số Cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm (b), (c), (d), (e) [Điều 23.2](#) Điều lệ này;
- (b) Đối với nghị quyết về
 - i. Loại Cổ phần và tổng số Cổ phần của từng loại;
 - ii. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
 - iii. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - iv. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

- v. Đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% (Năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- vi. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- vii. Giao dịch với Người có liên quan theo quy định tại điểm (a) [Điều 43.1](#);

thì phải được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận.

- (c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, tùy theo quyết định hoặc quy chế bầu cử do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tùy từng thời điểm. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.
 - (d) Được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại điểm (a) [Điều 43.1 Điều lệ này](#).
 - (e) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu Cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số Cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số Cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 23.3. Nếu tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết (hoặc đại diện được uỷ quyền) đại diện cho một trăm phần trăm (100%) tổng số phiếu biểu quyết đều nhất trí thông qua nghị quyết thì nghị quyết đó hợp lệ trong bất kỳ trường hợp nào, kể cả khi thủ tục triệu tập Đại hội đồng cổ đông không được tiến hành phù hợp hoặc nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không được đưa vào chương trình họp theo quy định của [Điều 20.3 Điều lệ này](#). Trong trường hợp như vậy, các Cổ đông coi như đã đồng ý từ bỏ yêu cầu về thủ tục triệu tập họp hoặc về nội dung cuộc họp.
- 23.4. Trong trường hợp nhiều Cổ đông đồng sở hữu một Cổ phần, bất cứ người nào trong số họ hoặc người đại diện được họ uỷ quyền cũng có thể bỏ phiếu trong mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như là chủ sở hữu duy nhất của Cổ phần, nhưng nếu có nhiều hơn một Cổ đông hoặc người đại diện uỷ quyền đồng sở hữu Cổ phần cùng có mặt tại một cuộc họp Đại hội đồng cổ

- đồng, Cổ đông đồng sở hữu có tên đầu tiên trong Sổ đăng ký cổ đông sẽ có quyền bỏ phiếu thay mặt cho những Cổ đông khác.
- 23.5. Thủ tục phê chuẩn các nghị quyết dưới dạng lấy ý kiến bằng văn bản không cần tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, nhưng phải tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
- 23.6. Việc kiểm phiếu biểu quyết theo hình thức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện bằng phần mềm vi tính.
- 23.7. Biên bản kiểm phiếu, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, văn bản ủy quyền tham dự, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến phải được lưu trữ trong Sổ biên bản giữ tại trụ sở Công ty và phải sẵn sàng cung cấp cho các Cổ đông khi có nhu cầu kiểm tra.
- 23.8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty trong thời hạn Pháp luật quy định.

Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 24.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản mà không cần tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
- 24.2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất (10) mười ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến, cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều lệ và Pháp luật.
- 24.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty;
 - ii. Mục đích lấy ý kiến;
 - iii. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
 - iv. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - v. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - vi. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; và
 - vii. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- 24.4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Chủ tịch là cá nhân, người đại diện theo pháp luật của Chủ tịch là tổ chức hoặc của người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử trước khi kiểm phiếu đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- 24.5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát Ủy ban kiểm toán hoặc của Chủ tịch không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty;
 - ii. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - iii. Số Chủ tịch với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Chủ tịch tham gia biểu quyết;
 - iv. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - v. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - vi. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- 24.6. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 24.7. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ hoặc được gửi đến các Chủ tịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- 24.8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 24.9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Chủ tịch bằng văn bản phải được số Chủ tịch đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số Chủ tịch có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Chủ tịch, trừ trường hợp thông qua nghị quyết về Giao dịch với Người có liên quan quy định tại [Điều 43.1](#) Điều lệ này.

Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 25.1 Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu giữ các biên bản họp các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức biên bản giấy và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.
- 25.2 Biên bản họp được ghi chép bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, có họ, tên, chữ ký xác nhận của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 25.3 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản.
- 25.4 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty trong thời hạn Pháp luật quy định.
- 25.5 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 26.1 Trong thời gian 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được (hoặc ngày đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty) nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, tùy vào sự kiện nào đến trước, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:
- (a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Pháp luật và Điều lệ, trừ trường hợp quy định tại [Điều 23.3](#) Điều lệ; hoặc
 - (b) Nội dung của nghị quyết vi phạm quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ.

Trong trường hợp này, các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

27.1 Thành phần và việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- (a) Trừ khi được Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Hội đồng quản trị của Công ty sẽ có thể có từ 5 (năm) đến 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của từng nhiệm kỳ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông bầu trên cơ sở đề cử của các Cổ đông.

Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo tỷ lệ dưới đây. Theo đó, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu:

- Đủ 10% được đề cử một (01) ứng viên;
- Từ trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đầu tiên đã được bổ nhiệm tại phiên họp đầu tiên của Đại hội đồng cổ đông được tổ chức theo quy định tại Điều 20 của Điều lệ. Số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật.

- (b) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị sẽ được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại điểm (c) [Điều 23.2](#) Điều lệ. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
- (c) Phương thức bầu dồn phiếu được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc quy chế bầu cử do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tùy từng thời điểm.
- (d) Mỗi thành viên Hội đồng quản trị cần đáp ứng được những điều kiện sau:
- i. Không thuộc những đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo Pháp luật;

- ii. Hội đủ những năng lực chuyên môn hoặc kỹ năng cần thiết để thực thi các chức năng của một thành viên Hội đồng quản trị, có khả năng tổ chức và điều hành Công ty và hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - iii. Có sức khoẻ và đạo đức tốt; và
 - iv. Các điều kiện khác do Đại hội đồng cổ đông quy định đối với thành viên Hội đồng quản trị vào từng thời điểm phù hợp với Pháp luật.
- (e) Thành viên Hội đồng quản trị sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm nếu:
- i. Thành viên này không còn đáp ứng các điều kiện quy định trong điểm (d) Điều 27.1 hoặc bị cấm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật hoặc theo một quyết định đang có hiệu lực pháp luật của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
 - ii. Thành viên đó bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn đầy đủ năng lực hành vi dân sự; hoặc
 - iii. Thành viên này thông báo từ chức đến Công ty và được chấp thuận; hoặc
 - iv. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong 06 (sáu) tháng liên tục mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng; hoặc
 - v. Thành viên đó vi phạm kỷ luật bị cách chức hoặc miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- (f) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài các trường hợp quy định tại điểm (e) [Điều 27.1](#) của Điều lệ này.
- (g) Mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ được hoàn lại các chi phí hợp lý bao gồm tiền đi lại, lưu trú và các khoản chi tiêu hợp lý khác phát sinh do việc tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị đề nghị định mức các khoản chi phí như các khoản phụ cấp, công tác phí, đi lại, lưu trú và các khoản chi tiêu hợp lý khác và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- (h) Các thành viên Hội đồng quản trị có thể được nhận thù lao, thưởng cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Mức thù lao, thưởng cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
- (i) Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ bất kỳ chức vụ quản lý nào (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị) hoặc thành viên làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng

quản trị, thành viên thực hiện những công việc khác theo quyết định của Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, thưởng, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

- (j) Không một thành viên Hội đồng quản trị nào được quyền đại diện, đảm bảo, cam kết thay mặt Công ty hoặc ràng buộc Công ty vào bất kỳ nghĩa vụ nào trừ trường hợp được quy định rõ trong Điều lệ này hoặc bởi nghị quyết của Hội đồng quản trị được triệu tập họp lệ hoặc bởi nghị quyết bằng văn bản theo Điều 32 Điều lệ này.
- (k) Mỗi thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ tất cả các nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- (l) Mỗi thành viên Hội đồng quản trị phải luôn hành động trung thực vì lợi ích của Công ty và thực hiện các nghĩa vụ của mình một cách trung thực nhân danh Công ty.
- (m) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải luôn hành động trung thực vì lợi ích của Công ty và thực hiện các nghĩa vụ của mình một cách trung thực nhân danh Công ty. Ngoài các tiêu chuẩn đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đạt các điều kiện sau:
 - i. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;
 - ii. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - iii. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là Cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - iv. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% (một phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - v. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ; và
 - vi. Các điều kiện khác theo quy định của Pháp luật.
- (n) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại [điểm \(m\) Điều 27.1](#) Điều lệ này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

27.2 Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

- (a) Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được Đại hội đồng cổ đông bầu lại trong các nhiệm kỳ tiếp theo với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- (b) Trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung hoặc được bầu thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn của nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Việc bầu bổ sung có thể được thực hiện thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và đảm bảo nguyên tắc bầu dồn phiếu quy định tại Điều lệ này.
- (c) Việc bầu, bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 28. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

- 28.1 Trừ những quyền hạn và trách nhiệm thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Điều lệ này hoặc quy định bởi Pháp luật, Hội đồng quản trị sẽ có quyền và trách nhiệm quản lý tất cả các hoạt động chính của Công ty và sẽ quyết định tất cả những vấn đề quan trọng liên quan đến Công ty, bao gồm cả các vấn đề xác định trong Điều 28.2 Điều lệ.
- 28.2 Không giới hạn bởi quy định chung nêu trên, Hội đồng quản trị có các quyền và trách nhiệm sau:
 - (a) Giám sát đối với hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác để đảm bảo tính tuân thủ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và đảm bảo tính hiệu quả về hoạt động kinh doanh, phát triển Công ty.
 - (b) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - (c) Phê duyệt ngân sách và kế hoạch kinh doanh hàng năm bao gồm kế hoạch tài chính, tổng quỹ lương, kế hoạch đầu tư mua sắm... và xác lập các mục tiêu hoạt động trong năm;
 - (d) Đề xuất định hướng phát triển của Công ty để đệ trình lên Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - (e) Đề xuất các loại Cổ phần mới sẽ được phát hành, quyền lợi, quyền ưu tiên, quyền hạn và đặc quyền của mỗi loại Cổ phần và số lượng Cổ phần được phát hành đối với mỗi loại để Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;
 - (f) Quyết định việc phát hành Cổ phiếu và trái phiếu, bao gồm cả trái phiếu chuyển đổi thành Cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua Cổ phiếu theo một giá xác định trước, đã được phép phát hành nhưng chưa được Công ty phát hành và quyết định mức giá phát hành các Cổ phiếu hoặc trái phiếu này;

- (g) Giải quyết các khiếu nại đối với Công ty về Cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty trong các thủ tục pháp lý có liên quan đến Cán bộ quản lý đó;
- (h) Ngoại trừ các trường hợp quy định tại [Điều 17.9](#) và [Điều 43](#) Điều lệ này, Hội đồng quản trị quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- (i) Quyết định mọi khoản vay của Công ty, các biện pháp bảo đảm khoản vay do Công ty cung cấp;
- (j) Quyết định các khoản đầu tư không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại [Điều 17.9](#) của Điều lệ này;
- (k) Quyết định cơ cấu tổ chức Công ty, ngoại trừ các vấn đề liên quan đến các cơ quan, đơn vị hoặc phòng ban của Công ty đã được quy định trong Điều lệ này;
- (l) Quyết định và thông qua các quy chế quản lý nội bộ bao gồm nhưng không hạn chế quy chế tài chính, quy chế nhân viên, các tài liệu trình nhà chức trách, hợp đồng để đảm bảo chứng chỉ nhà khai thác (AOC) và các quy chế khác;
- (m) Quyết định thành lập các công ty con, chi nhánh và văn phòng đại diện Công ty trong hoặc ngoài Việt Nam cũng như đầu tư vào các công ty khác phù hợp với kế hoạch phát triển của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;
- (n) Xem xét và đệ trình các Báo cáo tài chính hàng năm có kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông để được phê chuẩn; báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những Cán bộ quản lý khác trong năm tài chính, nếu không có báo cáo của Hội đồng quản trị thì Báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị xem xét;
- (o) Kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông về mức cổ tức được trả; quyết định thời gian và phương thức chi trả cổ tức; và quyết định về phương pháp xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh của Công ty;
- (p) Kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông các vấn đề về tái tổ chức, tái cấu trúc hoặc giải thể Công ty;
- (q) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị Công ty và thư ký công ty; ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương, thù lao, thưởng và các quyền lợi khác của Tổng Giám đốc; phê chuẩn việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các Cán bộ quản lý từ cấp phó phòng, ban trở lên và bất kỳ Cán bộ quản lý nào của Công ty theo đệ trình của Tổng Giám đốc;

- (r) Đảm bảo tính trung thực của hệ thống Báo cáo tài chính và kế toán của Công ty, kể cả kiểm toán độc lập và đảm bảo các hệ thống kiểm soát phù hợp được thiết lập, đặc biệt là các hệ thống giám sát rủi ro, kiểm soát tài chính và giám sát sự tuân thủ theo quy định của Pháp luật;
- (s) Thỏa thuận với người góp vốn việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải là tiền trong quá trình phát hành Cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn: quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- (t) Quyết định mua lại Cổ phần theo Điều 12 của Điều lệ;
- (u) Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi Cổ phiếu của Công ty;
- (v) Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán để Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn; và
- (w) Có các quyền hạn khác theo như quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 29. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 29.1 Hội đồng quản trị có thể bầu một trong các thành viên làm Chủ tịch Hội đồng quản trị và một số thành viên làm Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty.
- 29.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ tọa tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Nếu chức Chủ tịch bị khuyết, hoặc Chủ tịch không có mặt trong vòng 45 (bốn mươi lăm) phút sau thời điểm cuộc họp dự kiến bắt đầu thì một Phó Chủ tịch sẽ điều hành. Nếu Phó Chủ tịch vắng mặt, Phó Chủ tịch thứ hai (nếu có) hoặc một thành viên Hội đồng quản trị có mặt sẽ được Hội đồng quản trị bầu làm chủ tọa của phiên họp.
- 29.3 Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bầu một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
- 29.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên trong Ban điều hành.
- 29.5 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi Báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 29.6 Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm vì bất kỳ lý do nào thì Hội đồng quản trị phải bầu Chủ tịch mới chậm nhất trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.
- 29.7 Chủ tịch Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ quy định trong Điều lệ này và quy định bởi Pháp luật.

Điều 30. Cuộc họp Hội đồng quản trị

- 30.1 Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
- 30.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tổ chức tùy theo nhu cầu của hoạt động kinh doanh, nhưng mỗi quý phải họp tối thiểu là 01 (một) lần. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
- (a) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Cán bộ quản lý khác; hoặc
 - (b) Ít nhất 02 (hai) thành viên của Hội đồng quản trị; hoặc
 - (c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
- 30.3 Theo yêu cầu của Kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị thảo luận về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
- 30.4 Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại [Điều 30.2](#) Điều lệ này phải được tiến hành trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập cuộc họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở [Điều 30.2](#) Điều lệ này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 30.5 Thông báo triệu tập phải được gửi tới mỗi thành viên tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Tuy nhiên, nếu quá nửa số thành viên Hội đồng quản trị đồng ý không cần thời gian thông báo trước, cuộc họp vẫn có thể được tiến hành sớm hơn vào thời gian mà các thành viên trên đã nhất trí. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng văn bản tiếng Việt và phải xác định rõ chương trình họp, thời gian, địa điểm họp và phải có đính kèm các tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty. Tổng Giám đốc phải cung cấp cho Chủ tịch Hội đồng quản trị chương trình dự thảo cho mỗi cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị. Chương trình họp Hội đồng quản trị bất thường sẽ do người yêu cầu triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị cung cấp.

- 30.6 Khi được yêu cầu, các Cán bộ quản lý hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị phải cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị tất cả các thông tin và/hoặc tài liệu khác có liên quan đến hoạt động của Công ty và liên quan đến cuộc họp Hội đồng quản trị.
- 30.7 Cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ nhất phải được triệu tập chậm nhất 07 (bảy) ngày sau khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất và được tổ chức theo Điều 20 Điều lệ.
- 30.8 Thông thường các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành tại trụ sở Công ty, nhưng cũng có thể được tiến hành tại địa điểm khác do Hội đồng quản trị quyết định tùy từng thời điểm.
- 30.9 Thành viên Hội đồng quản trị có thể tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị qua điện thoại hoặc các phương tiện thông tin điện tử khác với điều kiện từng thành viên tham dự cuộc họp này phải nghe rõ và có thể nhìn thấy được các thành viên khác có mặt trong cuộc họp phát biểu, biểu quyết. Hình thức tham dự này được xem như tương đương với việc đích thân tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị.
- 30.10 Nếu một thành viên Hội đồng quản trị không thể tham dự một cuộc họp Hội đồng quản trị, thành viên này có thể ủy quyền bằng văn bản một người đại diện cho mình. Việc ủy quyền này phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Người được ủy quyền phải là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Giám đốc. Người đại diện có thể được ủy quyền tham dự một cuộc họp Hội đồng quản trị nhất định hoặc bất kỳ cuộc họp Hội đồng quản trị nào cho đến khi có thông báo khác của thành viên ủy quyền. Mỗi văn bản chỉ định đại diện phải được gửi hoặc giao đến Chủ tịch Hội đồng quản trị tại văn phòng trước khi bắt đầu cuộc họp Hội đồng quản trị. Mỗi người đại diện sẽ có một phiếu biểu quyết tương ứng với mỗi thành viên mà người này đại diện và một phiếu biểu quyết của mình nếu người đại diện cũng đồng thời là một thành viên Hội đồng quản trị.
- 30.11 Hội đồng quản trị có thể yêu cầu Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc các Cán bộ quản lý, hoặc bất cứ người nào trong số họ tham dự họp Hội đồng quản trị để báo cáo trực tiếp với Hội đồng quản trị về tất cả các vấn đề liên quan đến Công ty hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty nằm trong phạm vi trách nhiệm hoặc kiến thức, kỹ năng của họ.
- 30.12 Trong trường hợp cần thiết, các thành viên Hội đồng quản trị có thể cho phép người khác tham dự Cuộc họp để cố vấn và hỗ trợ tư vấn tại các cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 31. Điều kiện họp và việc biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị

31.1 Điều kiện họp Hội đồng quản trị

- (a) Số thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp tham dự hoặc thông qua người đại diện tham dự tối thiểu để cuộc họp Hội đồng quản trị đủ điều kiện tiến hành là từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng quản trị của Công ty. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp tối thiểu theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp được triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một nửa) tổng số thành viên Hội đồng quản trị của Công ty dự họp.

- (b) Thành viên có thể tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
 - i. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; hoặc
 - ii. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết như quy định tại [Điều 30.10](#) của Điều lệ này; hoặc
 - iii. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức tương tự khác; hoặc
 - iv. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; hoặc
 - v. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong thông báo mời họp của Công ty.
- (c) Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

31.2 Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị

- (a) Trong mỗi cuộc họp Hội đồng quản trị, mỗi thành viên sẽ có một phiếu biểu quyết. Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị được quy định tại [Điều 28.2](#) Điều lệ này và các vấn đề khác không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Tổng Giám đốc theo Điều lệ này hoặc các vấn đề khác mà Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền hoặc trao cho Hội đồng quản trị theo từng thời điểm. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp một vấn đề được lấy ý kiến thông qua có số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- (b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty ("**Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan**"). Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan không được tính vào số lượng thành viên tham dự tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị quyết định những nội dung mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
- (c) Theo quy định tại điểm (d) [Điều 31.2](#) của Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Quyết định của chủ tọa liên quan đến vấn đề này là quyết định

cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan chưa được công bố đầy đủ.

- (d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại [Điều 43.1](#) Điều lệ này được coi là có lợi ích liên quan trong hợp đồng đó.
- (e) Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong giao dịch đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

Điều 32. Nghị quyết bằng văn bản thông qua không cần hợp Hội đồng quản trị

- 32.1 Trừ trường hợp quy định tại [Điều 47.2](#) Điều lệ này, theo yêu cầu của bất kỳ một thành viên nào, Hội đồng quản trị có thể thông qua một quyết định bất kỳ mà không cần tổ chức cuộc họp nếu như được sự chấp thuận bằng văn bản của số thành viên Hội đồng quản trị cần thiết để thông qua một quyết định tương tự trong trường hợp có triệu tập cuộc họp đúng thể thức và phù hợp với Điều lệ này. Văn bản chấp thuận sẽ có hiệu lực giống như sự phê chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị hiện diện tại cuộc họp chính thức. Văn bản chấp thuận có thể lập thành một hoặc nhiều tài liệu với hình thức giống nhau và mỗi bản đều phải có chữ ký của một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị. Văn bản chấp thuận có thể là bản fax, email nhưng phải kèm theo sau đó là bản gốc và được Công ty lưu giữ. Các nghị quyết bằng văn bản phải luôn sẵn sàng để các thành viên Hội đồng quản trị có thể kiểm tra.
- 32.2 Thành viên Hội đồng quản trị có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng phương thức bỏ phiếu thông qua thư, fax, thư điện tử. Những phiếu biểu quyết bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch Hội đồng quản trị, những phiếu thông qua thư, fax, thư điện tử phải được gửi đến hòm thư chính thức hoặc số fax chính thức của Công ty phù hợp thời hạn và điều kiện nhận phiếu biểu quyết trong văn bản yêu cầu.

Điều 33. Biên bản họp Hội đồng quản trị

- 33.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản giấy và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.
- 33.2 Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được chuyển cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó. Thành viên Hội đồng quản trị được quyền bảo lưu ý kiến của mình về các nội dung trong Biên bản họp Hội đồng quản trị. Biên bản gốc sẽ được lưu giữ trong Sổ biên bản và phải luôn sẵn sàng để các thành viên Hội đồng quản trị có thể kiểm tra.

33.3 Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt, phù hợp với quy định của Pháp luật và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung phù hợp theo quy định thì biên bản này vẫn có hiệu lực. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 34. Các Ủy ban và Tiểu ban của Hội đồng quản trị

Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị có thể thành lập các Ủy ban, Tiểu ban để giúp việc cho Hội đồng quản trị. Chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của các Ủy ban, Tiểu ban do Hội đồng quản trị quy định cụ thể. Các nhân viên trong các Ủy ban, Tiểu ban có thể hoạt động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Lương hoặc phụ cấp cho các nhân viên thuộc các Ủy ban, Tiểu ban do Hội đồng quản trị quy định và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý

35.1 Công ty sẽ áp dụng hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và do Hội đồng quản trị lãnh đạo. Công ty có Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các Cán bộ quản lý khác, tất cả đều phải có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp. Số lượng Phó Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý khác tùy thuộc vào yêu cầu thực tế của hoạt động Công ty theo từng thời kỳ.

35.2 Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty sẽ bổ nhiệm số lượng nhất định các Cán bộ quản lý cần thiết và thích hợp để quản lý các lĩnh vực khác nhau trong Công ty. Cán bộ quản lý được bổ nhiệm phải có năng lực và sự mẫn cán cần thiết để hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ của Công ty.

35.3 Tiền lương, phúc lợi, các quyền lợi khác, cũng như các điều khoản và điều kiện tuyển dụng khác của các Cán bộ quản lý theo chính sách của Công ty, theo quyết định của Hội đồng quản trị và được thể hiện trong hợp đồng lao động đối với từng vị trí.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

36.1 Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, nhưng điều này không ảnh hưởng đến yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại liên quan đến việc vi phạm bất kỳ hợp đồng nào ký kết giữa Tổng Giám đốc và Công ty. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại cuộc họp Hội đồng quản trị tiếp theo. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc từ 2 (hai) đến 5 (năm) năm, Tổng Giám đốc có thể được tái bổ nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị và không giới hạn về số nhiệm kỳ.

- 36.2 Tổng Giám đốc có thể không phải là Cổ đông của Công ty nhưng phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:
- Không phải là người bị cấm giữ chức vụ này theo quy định của Pháp luật;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty; và
 - Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ.
- 36.3 Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty đối với các vấn đề có liên quan đến hoạt động và quản lý Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc đại diện Công ty trước Tòa án và các Cơ quan Nhà nước cũng như thay mặt Công ty thực hiện bất kỳ và tất cả các hợp đồng với người thứ ba. Nghĩa vụ của Tổng Giám đốc bao gồm việc thực thi các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng quản trị; tổ chức và điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản trị hiện đại. Tất cả các nghĩa vụ này phải được thực hiện một cách trung thực và vì lợi ích của Công ty.
- 36.4 Hội đồng quản trị sẽ xác định trách nhiệm của Tổng Giám đốc và giao một số quyền hạn mà Hội đồng quản trị thấy cần thiết để Tổng Giám đốc có thể thực hiện các nghĩa vụ điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 36.5 Thay mặt cho Công ty, Tổng Giám đốc có các quyền và trách nhiệm thực hiện những điều sau:
- (a) Quyết định ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận và các văn bản thuộc thẩm quyền hoặc sau khi có sự phê chuẩn của Đại hội Đồng Cổ đông theo quy định tại [Điều 17](#) hoặc của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 28.2 Điều lệ này;
 - (b) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các Cán bộ quản lý từ cấp Trưởng phòng hoặc cấp tương đương trở lên hoặc bất kỳ Cán bộ quản lý nào của Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, sau khi nhận được phê chuẩn của Hội đồng quản trị quy định tại điểm (q) [Điều 28.2](#) của Điều lệ này; ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương, thưởng và các quyền lợi khác đối với các chức danh này và người lao động khác của Công ty;
 - (c) Tổ chức soạn thảo các kế hoạch kinh doanh và ngân sách với đầy đủ chi tiết để đệ trình lên Hội đồng quản trị, hoặc trong trường hợp cần thiết, lên Đại hội đồng cổ đông;
 - (d) Điều hành, quản lý và tổ chức việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh đã được phê chuẩn và các quyết định khác của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị, và báo cáo kết quả thực hiện lên Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo đúng yêu cầu;
 - (e) Giám sát các hoạt động và công việc kinh doanh của Công ty nói chung;
 - (f) Đại diện cho Công ty trước Cơ quan Nhà nước, các tổ chức và cá nhân khác về tất cả các vấn đề liên quan đến các hoạt động của Công ty trong khuôn khổ của Điều lệ này

- và của các nghị quyết và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị;
- (g) Kiến nghị, trình Hội đồng quản trị số lượng lao động cần tuyển chọn; kiến nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền lợi (lương, thưởng...) của các Cán bộ quản lý thuộc quyền quản lý của Hội đồng quản trị, bao gồm: các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc, trưởng các Phòng, Ban hoặc chức vụ tương đương;
 - (h) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, tuyển dụng, thôi việc, mức lương, trợ cấp, lợi ích, các vấn đề liên quan đến chính sách nhân sự, nội dung hợp đồng lao động của cán bộ từ cấp phó phòng, ban trở xuống đến nhân viên, công nhân trực tiếp;
 - (i) Quản lý việc thực thi tất cả các quy tắc và quy định về quản lý và hoạt động của Công ty đã được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
 - (j) Giám sát toàn bộ các khía cạnh của chiến lược kinh doanh, tài chính và ngoại hối, nhưng phải luôn trong giới hạn cho phép của Hội đồng quản trị; và
 - (k) Thực thi các quyền và nghĩa vụ khác không dành cho Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị; hoặc được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị ủy thác hoặc giao cho bằng nghị quyết và thực hiện các nghĩa vụ theo sự chỉ đạo của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị.
- 36.6 Thẩm quyền phê duyệt tài chính của Tổng Giám đốc thực hiện theo quy chế quản trị, quy chế tài chính của Công ty hoặc được Hội đồng quản trị quy định theo từng thời kỳ.
- 36.7 Tổng Giám đốc có thể từ chức bất kỳ lúc nào, với điều kiện phải thông báo với Hội đồng quản trị theo đúng quy định ghi rõ trong hợp đồng lao động và/hoặc theo quyết định bổ nhiệm.
- 36.8 Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho Hội đồng quản trị và các Cổ đông khi có yêu cầu. Do tầm quan trọng của việc trao đổi thông tin chặt chẽ giữa Hội đồng quản trị và Cán bộ quản lý Công ty, Tổng Giám đốc sẽ tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị với vai trò quan sát viên, nhưng không được tham gia biểu quyết, trừ khi Tổng Giám đốc cũng đồng thời là Thành viên Hội đồng quản trị.
- 36.9 Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 37. Phó Tổng Giám đốc

- 37.1 Phó Tổng Giám đốc Công ty được các Cổ đông hoặc Tổng Giám đốc đề cử và phải được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Phó Tổng Giám đốc là người trợ giúp cho Tổng Giám đốc. Trường hợp vi phạm pháp luật, Điều lệ hoặc kinh doanh thua lỗ, Phó Tổng Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị Công ty bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn.

- 37.2 Phó Tổng Giám đốc Công ty phải là người có kiến thức chuyên ngành liên quan tới lĩnh vực kinh doanh của Công ty, có kinh nghiệm quản lý, hiểu biết pháp luật và có sức khỏe. Phó Tổng Giám đốc không phải là người bị cấm giữ chức vụ này theo quy định của Pháp luật.
- 37.3 Phó Tổng Giám đốc Công ty có quyền điều hành những hoạt động kinh doanh hoặc chuyên môn thuộc trách nhiệm của mình theo nội dung nêu trong quyết định bổ nhiệm và những nội dung khác theo sự phân công của Hội đồng quản trị hoặc những hoạt động khác theo sự uỷ quyền của Tổng Giám đốc.
- 37.4 Phó Tổng Giám đốc Công ty có quyền đại diện cho Công ty trước các cơ quan Nhà nước và tài phán khi được uỷ quyền. Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của mình trước Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị.

Điều 38. Kế toán trưởng

Kế toán trưởng có trách nhiệm tổ chức và đảm bảo bộ máy kế toán của Công ty hoạt động thông suốt, bảo đảm công tác kế toán của Công ty tuân thủ quy định của Pháp luật và theo sự phân công, chỉ đạo của Tổng Giám đốc.

Điều 39. Người phụ trách quản trị Công ty

- 39.1 Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty. Nhiệm kỳ và điều kiện làm việc của Người phụ trách quản trị Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- 39.2 Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quy định.

Điều 40. Không kiêm nhiệm

Trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hoặc do Công ty đề cử, Kế toán trưởng và Cán bộ quản lý không được đồng thời giữ chức vụ Giám đốc, Tổng Giám đốc hoặc bất kỳ một vị trí quản lý hay nhân viên của bất kỳ một tổ chức nào khác.

Không một nhân viên nào của Công ty, kể cả Tổng Giám đốc và các nhân viên cao cấp khác của Công ty được tham gia hoặc làm việc cho bất kỳ tổ chức kinh doanh nào tại Việt Nam mà Hội đồng quản trị cho rằng có khả năng gây thiệt hại cho lợi ích của Công ty.

IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 41. Trách nhiệm căn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý, quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

- 41.1 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý được uỷ thác công việc của Công ty có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình (kể cả những nhiệm vụ với tư

cách thành viên các Tiểu ban hoặc Ủy ban của Hội đồng quản trị) một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

- 41.2 Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu ít nhất 1% (một phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Tổng Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong các trường hợp sau đây:
- (a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp; hoặc
 - (b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, đối với các quyền và nghĩa vụ được giao; hoặc
 - (c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; hoặc
 - (d) Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
- 41.3 Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của Pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp Cổ đông, nhóm Cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.
- 41.4 Cổ đông, nhóm Cổ đông theo quy định tại [Điều 41.2](#) này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột quyền lợi

- 42.1 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý khác và những Người liên quan của các đối tượng này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- 42.2 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý khác của Công ty phải công khai, kê khai các lợi ích liên quan của mình với Công ty, bao gồm:
- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, mã số doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - (b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, mã số doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ;

- (c) Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; và
 - (d) Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc cổ đông lớn.
- 42.3 Việc kê khai quy định tại Điều 42.2 Điều lệ này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan và mọi thay đổi về các lợi ích đó phải được khai báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 42.4 Việc kê khai quy định tại Điều 42.2 phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, và Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.
- 42.5 Thành viên Hội đồng quản trị và các Cán bộ quản lý nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.
- 42.6 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý hoặc Người có liên quan của họ không được phép mua, bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào hoặc tiết lộ, cung cấp thông tin nội bộ hoặc tư vấn cho người khác mua bán các Cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những Cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này.
- 42.7 Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý khác và những Người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
- 42.8 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý khác và những Người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 43. Hiệu lực của một số hợp đồng

43.1 Giao dịch với Người có liên quan

Giao dịch với Người có liên quan chỉ có hiệu lực nếu thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Đối với giao dịch hoặc nhóm giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên với Người có liên

- quan có giá trị ít nhất bằng 30% (ba mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của Công ty phải có sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông với ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản chấp thuận;
- (b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó cần có sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông;
 - (c) Đối với Giao dịch với Người có liên quan có giá trị nhỏ hơn 30% (ba mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của Công ty với thời điểm tiến hành Giao dịch với Người có liên quan, cần có sự phê duyệt của Hội đồng quản trị;
 - (d) Tất cả các Giao dịch với Người có liên quan phải dựa trên cơ sở đôi bên cùng có lợi, trừ trường hợp được tất cả các Cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;
 - (e) Trong trường hợp cần thiết, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị có thể mời một tổ chức tư vấn độc lập đánh giá để đảm bảo Giao dịch với Người có liên quan là công bằng và hợp lý trên mọi phương diện vào thời điểm giao dịch;
 - (f) Công ty không được cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Cổ đông là cá nhân và Người có liên quan của Cổ đông đó là cá nhân;
 - (g) Công ty không được cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Cổ đông là tổ chức và Người có liên quan của Cổ đông đó là cá nhân; và
 - (h) Công ty không được cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Người có liên quan của Cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:
 - i. Công ty và tổ chức là Người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - ii. Trường hợp pháp luật có quy định khác.

43.2 Quyền biểu quyết của các bên có quyền lợi liên quan

Bất kỳ Người nào tham gia, hoặc có quan hệ với hoặc một cách nào đó có lợi ích từ việc tham gia vào Giao dịch với Người có liên quan, sẽ không có quyền biểu quyết đối với các vấn đề liên quan đến Giao dịch với Người có liên quan này tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 44. Nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị, Cán bộ quản lý

Ngoài các nghĩa vụ và trách nhiệm do Pháp luật hoặc Điều lệ này quy định, mỗi thành viên Hội đồng quản trị, Cán bộ quản lý phải:

- 44.1 Thực thi tất cả các quyền hạn và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, với sự cẩn mẫn, cẩn trọng đúng mức và vì quyền lợi tốt nhất của Công ty;
- 44.2 Không lạm dụng chức vụ và quyền hạn, không sử dụng tiền bạc và tài sản của Công ty sai mục đích vì lợi ích của bản thân hoặc của người khác;
- 44.3 Nếu Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ nợ khác đến hạn phải trả, họ phải:
- (a) Thông báo tất cả các chủ nợ về tình hình tài chính của Công ty trong chừng mực cần thiết hoặc theo yêu cầu của Pháp luật;
 - (b) Không được tăng lương hoặc trả các khoản tiền thưởng nào cho các Cán bộ quản lý hoặc bất kỳ nhân viên nào của Công ty;
 - (c) Kiến nghị các biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty; và
 - (d) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

Bất kỳ Người nào không tuân thủ các quy định của [Điều 41](#), [Điều 42](#), [Điều 43](#) và [Điều 44](#) Điều lệ này mà gây thiệt hại cho Công ty thì phải bồi thường và/hoặc thực hiện các nghĩa vụ khác để khắc phục thiệt hại do hành vi không tuân thủ của mình gây ra cho Công ty trong mức độ tối đa được Pháp luật cho phép. Công ty sẽ có quyền lợi đối với bất kỳ lợi ích nào mà người đó nhận được từ Giao dịch với Người có liên quan tương ứng.

Điều 46. Miễn trừ trách nhiệm cá nhân

Không một thành viên Hội đồng quản trị hoặc Cán bộ quản lý nào phải chịu trách nhiệm cá nhân về những hành động của mình hoặc bất kỳ hành động nào được thực hiện một cách có thiện chí, trung thực, vô tư nhân danh Công ty, phù hợp với phạm vi quyền hạn được giao theo quy định, hoặc phù hợp với phạm vi quyền hạn được ủy nhiệm cho họ theo Điều lệ này hoặc phù hợp với các quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị và tuân thủ Pháp luật.

X. ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 47. Ủy ban kiểm toán

- 47.1 Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên Ủy ban kiểm toán có từ 02 (hai) thành viên trở lên. Số lượng thành viên cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định.
- 47.2 Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
- 47.3 Điều kiện và tiêu chuẩn của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán:

- a. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh; và
 - b. Đáp ứng các điều kiện của thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại [điểm \(n\) Điều 27.1](#) của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
- 47.4 Điều kiện và tiêu chuẩn của thành viên khác của Ủy ban kiểm toán:
- a. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - i. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; hoặc
 - ii. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.
 - b. Đáp ứng các điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm (d) [Điều 27.1](#) của Điều lệ này và quy định của Pháp luật; và
 - c. Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Cán bộ quản lý khác của Công ty.
- 47.5 Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị quy định.

XI. QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 48. Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ

- 48.1 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) số Cổ phần phổ thông trở lên đều có quyền trực tiếp hoặc thông qua luật sư hoặc người được ủy quyền hợp pháp, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra, trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty, về danh sách các Cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính giữa năm, hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty; sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Cách thức kiểm tra, sao chụp sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.
- 48.2 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý có quyền kiểm tra Sổ đăng ký cổ đông, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 48.3 Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không và các giấy tờ pháp lý khác, các quy chế hoạt động, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản kể cả sở hữu trí tuệ, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác

với điều kiện là các Cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

48.4 Mọi Cổ đông đều có quyền được Công ty cấp một bản sao Điều lệ Công ty. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 49. Người lao động

49.1 Hàng năm, Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch về tuyển dụng lao động, cho thôi việc, đào tạo, nâng bậc, đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho người lao động. Tổng Giám đốc phải xây dựng các cơ chế bảo đảm quyền lợi của người lao động về chế độ lương, thưởng, phúc lợi, nghỉ phép, chế độ khen thưởng đối với người lao động để trình Hội đồng quản trị thông qua và tổ chức thực hiện.

49.2 Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng chính sách lương, thưởng, phúc lợi, đảm bảo công bằng, khuyến khích người lao động trong Công ty.

49.3 Hội đồng quản trị hàng năm phê duyệt tổng quỹ lương của Công ty. Căn cứ vào tổng quỹ lương và trong khuôn khổ quy chế lương, Tổng Giám đốc thông qua quyết định phương án trả lương và có quyền thuê lao động theo nhu cầu của Công ty.

XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 50. Cổ tức

50.1 Công bố việc chi trả cổ tức

(a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty có thể công bố chi trả cổ tức với điều kiện:

- i. Mức cổ tức chi trả không được vượt quá mức Hội đồng quản trị đề nghị;
- ii. Mức cổ tức chi trả không được vượt quá mức lợi nhuận của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính;
- iii. Công ty đã hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước của các năm trước đó;
- iv. Sau khi đã trích lập các quỹ và bù đắp lỗ theo quy định tại Điều lệ này hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; và
- v. Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn sau khi đã công bố và chi trả cổ tức.

(b) Hàng năm, Đại hội đồng cổ đông quyết định trả cổ tức. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ tùy theo tình hình tài chính và điều kiện kinh doanh dự báo kết quả và các yếu tố mà Hội đồng quản trị xét thấy phù hợp.

- (c) Cổ tức sẽ được thanh toán cho Cổ đông bằng Đồng Việt Nam hoặc bằng Cổ phiếu. Căn cứ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông về công bố mức cổ tức, Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương thức trả cổ tức.
- (d) Chi phí và các khoản phí tổn phát sinh trong việc thanh toán Cổ tức cho Cổ đông sẽ do Cổ đông chịu và sẽ được Công ty trừ lại từ cổ tức của Cổ đông. Cổ đông được chi trả cổ tức cũng chịu trách nhiệm chi trả thuế đánh trên cổ tức.
- (e) Đối với từng Cổ đông riêng lẻ, những bằng chứng sau đây được xem là những bằng chứng xác nhận việc hoàn tất và đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán của Công ty đối với khoản cổ tức phải trả: (i) biên nhận có chữ ký của Cổ đông, trong trường hợp cổ tức thanh toán bằng tiền mặt, hoặc (ii) thông báo chuyển tiền của ngân hàng được Công ty chỉ định chuyển tiền có ghi rõ tổ chức tài chính và số tài khoản theo sự chỉ định của Cổ đông, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng hình thức chuyển tiền, hoặc (iii) những bằng chứng khác cho thấy việc chuyển chi phiếu đến địa chỉ cập nhật mới nhất của Cổ đông ghi trong Sổ đăng ký cổ đông tại thời điểm thanh toán hoặc một bản sao tờ chi phiếu có chữ ký của Cổ đông, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng chi phiếu, hoặc (iv) các tài liệu hoặc chứng từ khác của Công ty chứng minh việc thanh toán cổ tức bằng Cổ phần.
- (f) Trong trường hợp nhiều Cổ đông đồng sở hữu một Cổ phần hoặc một số Cổ phần, những bằng chứng sau đây được xem là những bằng chứng xác nhận việc hoàn tất và đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán của Công ty đối với khoản cổ tức phải trả: (i) biên nhận có chữ ký của bất kỳ một trong số các Cổ đông này, trong trường hợp cổ tức thanh toán bằng tiền mặt, hoặc (ii) thông báo chuyển tiền của ngân hàng được Công ty chỉ định chuyển tiền có ghi rõ tổ chức tài chính và số tài khoản theo sự chỉ định của một trong các Cổ đông này, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng hình thức chuyển tiền, hoặc (iii) những bằng chứng khác như việc chuyển chi phiếu đến địa chỉ cập nhật mới nhất của bất kỳ một người nào trong số đồng Cổ đông này ghi trong Sổ đăng ký cổ đông tại thời điểm thanh toán, (iv) hoặc một bản sao tờ chi phiếu có chữ ký của một trong số họ, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng chi phiếu.
- (g) Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (bao gồm cả cổ phiếu, trái phiếu do Công ty hoặc công ty khác phát hành v.v...) nếu được Cổ đông có cổ tức chấp thuận.
- (h) Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể chốt danh sách Cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu của các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
- (i) Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương

thực bảo đảm đến Cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong Sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Việc thông báo trả cổ tức có thể được thông báo bằng phương thức khác đảm bảo Cổ đông nhận được đầy đủ thông tin về việc trả cổ tức không muộn hơn 15 (mười lăm) ngày trước ngày trả cổ tức.

50.2 Không tính lãi đối với cổ tức chưa thanh toán

Công ty không phải trả tiền lãi đối với các cổ tức chưa thanh toán.

50.3 Cổ tức không yêu cầu thanh toán

Tất cả các cổ tức không được yêu cầu thanh toán có thể được tái đầu tư hoặc sử dụng vào mục đích khác vì lợi ích của Công ty cho đến khi được yêu cầu thanh toán. Ngoại trừ trường hợp Hội đồng quản trị quyết định khác, Công ty có quyền từ chối thanh toán nếu cổ tức không được yêu cầu thanh toán trong 06 (sáu) năm kể từ ngày đến hạn thanh toán và số cổ tức đó sẽ trở thành tài sản của Công ty.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 51. Tài khoản ngân hàng

Công ty có thể mở bất kỳ loại tài khoản nào, là tài khoản tiền Đồng Việt Nam (VND) hoặc tài khoản ngoại tệ, là tài khoản vãng lai, tài khoản kỳ hạn hoặc loại tài khoản khác tại một ngân hàng trong và/hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 52. Trích lập các quỹ

- 52.1 Hội đồng quản trị quyết định việc trích lập các loại quỹ phù hợp với quy định của Pháp luật và thực tiễn hoạt động của Công ty theo từng thời kỳ.
- 52.2 Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.
- 52.3 Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết việc thua lỗ theo các giải pháp sau:
 - (a) Trích từ quỹ dự trữ tài chính để bù lỗ;
 - (b) Chuyển một phần lỗ sang năm sau. Đồng thời, Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục;
 - (c) Các biện pháp khác mà Pháp luật cho phép hoặc không cấm.

Điều 53. Năm tài chính

Năm tài chính cũng như niên hạn thuế của Công ty sẽ bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 54. Chế độ kế toán

Sổ tài khoản kế toán sẽ được Công ty lập theo đúng quy định của Pháp luật và sẽ được lập một cách trung thực và chính xác. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ kế toán Việt Nam (VAS) và/hoặc bất kỳ Chế độ kế toán khác được Pháp luật cho phép và Hội đồng quản trị thông qua.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 55. Tài khoản và chứng từ

- 55.1 Công ty lập các sổ sách và tài khoản bằng tiền Đồng Việt Nam. Tất cả các chứng từ kế toán, hoá đơn, sổ sách và báo cáo của Công ty sẽ được lập và lưu giữ bằng tiếng Việt. Tất cả các chứng từ và báo cáo kế toán và tài chính phải được Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng, hoặc Giám đốc Tài chính, Giám đốc Kiểm soát tài chính phê chuẩn và ký tên theo phân định về thẩm quyền. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc cũng có thể yêu cầu Kế toán trưởng lập các báo cáo quản trị, báo cáo quản lý nội bộ bằng ngoại tệ để phục vụ cho công tác quản lý.
- 55.2 Trong ba tháng đầu tiên của mỗi năm tài chính, Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm cho năm tài chính trước đó, bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty, bản cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh Báo cáo tài chính để lưu giữ và trình lên Đại hội đồng cổ đông sau khi được Hội đồng quản trị đồng ý ("**Báo cáo tài chính**").
- 55.3 Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, hoặc trong thời hạn mà Pháp luật quy định, kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải gửi Báo cáo tài chính đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế, Cơ quan đăng ký kinh doanh, Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và các Cơ quan Nhà nước khác mà Pháp luật yêu cầu.
- 55.4 Vào cuối mỗi quý tài chính, Công ty phải soạn thảo các Báo cáo tài chính chưa tổng hợp bao gồm bảng cân đối kế toán, bảng kết quả hoạt động kinh doanh, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Các báo cáo này phải được cung cấp cho Hội đồng quản trị trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc của mỗi quý tài chính.
- 55.5 Trong trường hợp Hội đồng quản trị yêu cầu, Công ty vào từng thời điểm sẽ tự mình hay thuê một tổ chức thẩm định giá để định giá lại tài sản của Công ty để làm căn cứ cho việc xác định giá trị Cổ phiếu, giá trị các tài sản của Công ty hay phục vụ các mục đích khác do Hội đồng quản trị đề ra.
- 55.6 Công ty phải lập các báo cáo theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch chứng khoán. Các cá nhân, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo

cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

55.7 Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của Công ty chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 56. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Việc công bố thông tin thực hiện theo quy chế công bố thông tin do Hội đồng quản trị ban hành theo quy định Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 57. Kiểm toán Công ty

57.1 Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định thuê một tổ chức kiểm toán được chấp thuận để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Đại hội đồng Cổ đông cũng có thể ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn tổ chức kiểm toán.

57.2 Tổ chức kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về Báo cáo tài chính hằng năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo kiểm toán đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng hoặc được gia hạn trong một thời gian phù hợp theo quy định của Pháp luật kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

57.3 Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm Báo cáo tài chính năm của Công ty.

57.4 Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà mọi Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

57.5 Các Thành viên Hội đồng quản trị có quyền gặp kiểm toán viên để thảo luận về các Báo cáo tài chính của Công ty và các vấn đề có liên quan.

57.6 Mỗi Cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền chọn thuê kiểm toán viên để kiểm toán các Báo cáo tài chính chưa tổng hợp và/hoặc các Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào và với chi phí do Cổ đông đó tự chi trả.

XVII. CON DẤU

Công ty chịu trách nhiệm quản lý con dấu và đảm bảo việc sử dụng con dấu theo quy định của Pháp luật.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI THỂ

Điều 58. Chấm dứt hoạt động

Phụ thuộc vào quy định cụ thể của Pháp luật theo từng thời điểm, Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- 58.1 Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của Pháp luật; hoặc
- 58.2 Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; hoặc
- 58.3 Các trường hợp khác do Pháp luật quy định.

Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và quyết định này phải được thông báo đến Cơ quan Nhà nước để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 59. Trường hợp bất đồng giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông

Trong phạm vi Pháp luật cho phép, các Cổ đông sở hữu 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số Cổ phiếu có quyền biểu quyết có quyền đệ đơn tới Tòa án để yêu cầu giải thể Công ty khi xảy ra một hay một số các trường hợp sau:

- 59.1 Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất được trong việc quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt số phiếu biểu quyết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động;
- 59.2 Các Cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- 59.3 Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều nhóm Cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ đông.

Điều 60. Thay đổi thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của Công ty là không giới hạn theo quy định của [Điều 2.7](#) của Điều lệ này. Trong trường hợp muốn thay đổi thời hạn hoạt động của Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ Đông biểu quyết về việc thay đổi thời hạn hoạt động theo thời hạn mới mà Hội đồng quản trị đề xuất.

Điều 61. Giải thể

- 61.1 Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban Giải thể gồm 06 (sáu) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một tổ chức kiểm toán độc lập. Ban Giải thể có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến việc giải thể sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

- 61.2 Ban Giải thể có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Giải thể sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý tài sản của Công ty trước Tòa án và các Cơ quan Nhà nước.
- 61.3 Tiền thu được từ việc giải thể sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
- (a) Các chi phí giải thể;
 - (b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho cán bộ, công nhân viên;
 - (c) Thuế và các khoản nộp có tính chất như thuế mà Công ty phải nộp cho Nhà nước;
 - (d) Các khoản vay (nếu có); và
 - (e) Các khoản nợ khác của Công ty.
- 61.4 Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ tại [Điều 61.3](#) sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Các Cổ phần ưu đãi hoàn lại sẽ được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 62. Giải quyết tranh chấp nội bộ

- 62.1 Tranh chấp (i) giữa (các) Cổ đông với Công ty, (ii) giữa các Cổ đông hoặc giữa các nhóm Cổ đông, (iii) giữa (các) Cổ đông và Hội đồng quản trị, (iv) giữa (các) Cổ đông với (các) Cán bộ quản lý, hoặc (v) giữa (các) Cổ đông, trước tiên sẽ được giải quyết thông qua hình thức thương lượng và hòa giải. Đối với những Tranh chấp không liên quan đến Hội đồng quản trị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết Tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến Tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Tranh chấp phát sinh. Nếu Tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị thì hai bên chỉ định một người thứ ba hành động với tư cách là Trọng tài cho quá trình giải quyết Tranh chấp, chi phí hòa giải sẽ do bên yêu cầu chịu.
- 62.2 Nếu Tranh chấp không được giải quyết trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu hòa giải và/hoặc quyết định của bên trung gian hòa giải không được các bên chấp thuận thì bất cứ một bên nào cũng có thể đưa Tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.
- 62.3 Mỗi bên tự chịu chi phí thuộc nghĩa vụ của mình có liên quan đến thủ tục thương lượng, hoà giải. Chi phí, lệ phí tòa án của các bên sẽ do Tòa án phán quyết.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 63. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

Điều lệ chỉ có thể bổ sung, sửa đổi khi Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ này và theo quy định của Pháp luật.

XXI. QUY ĐỊNH BẢO MẬT

Điều 64. Định nghĩa Thông tin mật

Theo mục đích của Điều này, Thông tin mật nghĩa là tất cả và bất kỳ mọi thông tin, tài liệu, giấy tờ, hồ sơ, tập tin điện tử, các hồ sơ văn bản, dữ liệu, thư điện tử, và những tài liệu khác dưới bất kỳ hình thức nào không được công bố rộng rãi ra công chúng mà Công ty, Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị và/hoặc các Cán bộ quản lý, nhân viên Công ty, các đại lý, hoặc các nhà thầu, có được, nhận được, phát triển, hoặc bằng cách nào đó, sở hữu trong tiến trình hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty và những thông tin, giấy tờ, hồ sơ, dữ liệu và những tài liệu khác dưới bất kỳ hình thức nào nhận được từ người thứ ba mà Công ty có nghĩa vụ bảo mật, bao gồm:

- 64.1 Sổ đăng ký cổ đông và Sổ biên bản và bất kỳ một văn bản chấp thuận nào của Nhà nước cần thiết cho hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm giấy chứng nhận quyền sở hữu trí tuệ (nếu có), hoặc giấy chứng nhận đăng ký chất lượng hàng hoá (nếu có);
- 64.2 Các tài liệu và giấy tờ chứng minh quyền sở hữu các tài sản của Công ty;
- 64.3 Các bí mật thương mại hoặc thông tin mật, công nghệ, bí quyết, kỹ thuật, kiểu dáng thiết kế, phương pháp và các thông tin khác liên quan đến các giao dịch quan trọng của Công ty căn cứ theo sự xác định của Hội đồng quản trị vào từng thời điểm;
- 64.4 Báo cáo của các cơ quan thanh tra (nếu có), hoặc của các kiểm toán viên;
- 64.5 Sổ sách kế toán và các tài liệu kế toán khác;
- 64.6 Thông tin về Cổ đông, bất kỳ thỏa thuận nào của các Cổ đông hoặc quan hệ sở hữu Cổ phần qua lại hoặc các bảo đảm qua lại giữa các Cổ đông; bất kỳ giao dịch nào giữa Công ty và các Cổ đông;
- 64.7 Thông tin về các thành viên Hội đồng quản trị, Cán bộ quản lý bao gồm năng lực, kinh nghiệm;
- 64.8 Chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh của Công ty; các kết quả, báo cáo thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; và
- 64.9 Thông tin về những rủi ro đáng kể có thể được dự báo trước một cách hợp lý có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty; rủi ro về giá nhiên liệu, rủi ro lãi suất hoặc rủi ro về ngoại hối đối với các khoản nợ hoặc khoản vay của Công ty; rủi ro liên quan đến các giao dịch phái sinh và giao dịch ngoại bảng.

Điều 65. Tiết lộ Thông tin mật

Nếu không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Hội đồng quản trị, không một ai trong số các thành viên Hội đồng quản trị, các Cán bộ quản lý, các Cổ đông hoặc bất kỳ Người nào khác có liên quan được phép tiết lộ các Thông tin mật của Công ty, ngoại trừ:

- 65.1 Với các công ty con của Công ty (nếu có); hoặc

- 65.2 Với các Cổ đông ở mức độ được phép theo Điều lệ này hoặc theo quyết định khác của Đại hội đồng cổ đông; hoặc
- 65.3 Với các cấp quản lý và các nhân viên của Công ty hoặc với các kiểm toán viên của Công ty hoặc với các cố vấn chuyên môn trong phạm vi mà họ cần phải biết để thực thi các nghĩa vụ của mình một cách hợp lý và khi các nghĩa vụ này có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhưng đối với mỗi trường hợp như vậy đều phải có điều khoản yêu cầu người nhận những Thông tin mật phải bảo mật các thông tin đó và không được tiết lộ chúng với bất kỳ Người nào khác; hoặc
- 65.4 Khi được yêu cầu phải cung cấp cho các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được Pháp luật cho phép yêu cầu tiết lộ những thông tin này hoặc cung cấp thông tin theo yêu cầu của Trọng tài hoặc của Tòa án trong các vụ kiện, nhưng chỉ trong phạm vi được yêu cầu; hoặc
- 65.5 Những thông tin được phổ biến rộng rãi ra công chúng nhưng không bởi hành vi vi phạm các quy định của Điều này, hoặc những thông tin thường sẽ được công chúng biết đến trong tiến trình kinh doanh, ví dụ như thông tin phục vụ cho bán hàng và quảng cáo.

XXII. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 66. Pháp luật ban hành sau

Nếu có bất kỳ quy định Pháp luật nào thuận lợi hơn cho Công ty ban hành sau ngày Điều lệ này có hiệu lực thì quy định đó được áp dụng như thể chúng đã được quy định tại Điều lệ và được ưu tiên áp dụng.

Điều 67. Các điều khoản không hợp pháp, không hiệu lực, không có khả năng thực thi

Nếu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tuyên bố hoặc phán quyết (một cách chính thức) rằng bất kỳ một hoặc nhiều điều khoản nào của Điều lệ này là bất hợp pháp, không có hiệu lực hoặc không có khả năng thực thi theo quy định của Pháp luật, thì một hoặc nhiều điều khoản đó sẽ được xem như bị loại bỏ khỏi Điều lệ và các điều khoản khác của Điều lệ vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Điều 68. Văn bản chấp thuận của Cơ quan Nhà nước

Mọi quy định về nghĩa vụ xin cấp văn bản chấp thuận từ Cơ quan Nhà nước nào được nêu trong Điều lệ này, dù được quy định một cách rõ ràng hoặc một cách ngụ ý, chỉ có hiệu lực khi văn bản chấp thuận của Cơ quan Nhà nước này là bắt buộc theo quy định của Pháp luật.

Điều 69. Thông báo

69.1 Bất kỳ thông báo nào theo quy định của Điều lệ này phải được lập thành văn bản gửi bằng thư bảo đảm, hoặc bằng dịch vụ chuyển phát nhanh, hoặc bằng điện tín, hoặc bằng fax (với bản gốc gửi bằng thư bảo đảm) đến địa chỉ ghi trong Sổ đăng ký cổ đông hoặc địa chỉ mà cổ đông đăng ký với Công ty theo từng thời điểm.

- 69.2 Bất kỳ thông báo nào sau khi chuyển đi đều được coi như có hiệu lực sau 08 (tám) ngày từ ngày đóng dấu bưu điện trong trường hợp gửi bằng thư và 02 (hai) ngày làm việc trong trường hợp gửi bằng điện tín, fax hoặc dịch vụ chuyển phát nhanh.
- 69.3 Trong trường hợp Cổ đông đồng sở hữu, thông báo sẽ được gửi đến Cổ đông có tên đầu tiên trong Sổ đăng ký cổ đông và thông báo cho Cổ đông này được xem như là đã thông báo đầy đủ đến tất cả các đồng Cổ đông khác.
- 69.4 Công ty sẽ thực thi trong khả năng hợp lý để đảm bảo tính chính xác của các địa chỉ ghi trong Sổ đăng ký cổ đông và sẽ kịp thời điều chỉnh địa chỉ của Cổ đông khi có thông báo bằng văn bản của Cổ đông này.

XXIII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 70. Ngày hiệu lực

Điều lệ này sẽ có hiệu lực từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Bất kỳ Cổ đông mới nào tham gia góp vốn vào Công ty sau ngày Điều lệ này có hiệu lực và các Cán bộ quản lý của Công ty đều phải chịu sự ràng buộc của các điều khoản trong Điều lệ này một cách vô điều kiện và không hủy ngang.

Bản Điều lệ này được lập thành 03 (ba) bản có giá trị ngang nhau.

Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET
TỔNG GIÁM ĐỐC**

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

PHỤ LỤC 1. ĐỊNH NGHĨA

Ban điều hành có nghĩa là cơ quan thực hiện chức năng điều hành của Công ty, hoạt động dưới sự quản lý trực tiếp của Tổng Giám đốc. Ban điều hành bao gồm các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những thành viên khác do Tổng Giám đốc quy định.

Bằng văn bản có nghĩa là hình thức viết tay, in ấn, đánh máy, hoặc một phương thức nào khác thể hiện hoặc tạo ra chữ viết, hoặc là sự kết hợp của nhiều hình thức thể hiện chữ viết.

Cán bộ quản lý có nghĩa là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các Giám đốc, Trưởng phòng hoặc chức danh tương đương Trưởng phòng và các vị trí quản lý khác mà Hội đồng quản trị xác định là những vị trí quản lý trong Công ty.

Công ty có nghĩa là Công ty cổ phần hàng không VietJet được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này.

Công ty con có nghĩa là bất kỳ công ty nào mà trong đó Công ty (i) sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) Vốn điều lệ hoặc tổng số Cổ phần phổ thông đã phát hành, hoặc (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc, hoặc (iii) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.

Cổ đông có nghĩa là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất 01 (một) Cổ phần của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ được quy định trong Điều lệ này.

Cổ đông lớn có nghĩa là cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) trở lên số Cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Cổ phần được quyền chào bán có nghĩa là tổng số Cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn tại từng thời điểm.

Cổ phần có nghĩa là Cổ phần phổ thông hoặc Cổ phần ưu đãi do Công ty phát hành tuân theo quy định của Điều lệ này và quy định Pháp luật.

Cổ phần phổ thông có nghĩa là Cổ phần phổ thông do Công ty phát hành theo quy định của Điều lệ này và quy định Pháp luật.

Cổ phần ưu đãi có nghĩa là Cổ phần ưu đãi biểu quyết, Cổ phần ưu đãi cổ tức, Cổ phần ưu đãi hoàn lại hay các Cổ phần ưu đãi khác do Công ty phát hành theo quy định của Điều lệ này và quy định Pháp luật.

Cổ phiếu có nghĩa là chứng chỉ do Công ty phát hành theo như quy định của Điều 9 của Điều lệ này để làm bằng chứng quyền sở hữu tương ứng số lượng Cổ phần mà một Cổ đông cụ thể đang sở hữu và Cổ phiếu có nghĩa là bất kỳ một trong số các Cổ phần đó.

Cơ quan đăng ký kinh doanh có nghĩa là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội hoặc tùy vào thời điểm thích hợp, là một Cơ quan Nhà nước khác có thể có trách nhiệm và thẩm quyền cấp phép thành lập hoặc sửa đổi, bổ sung các giấy phép hoạt động của Công ty theo quy định của Pháp luật.

Cơ quan Nhà nước có nghĩa là tất cả và bất kỳ một cơ quan nào trong số những cơ quan sau: Quốc hội nước Việt Nam, Ủy ban Thường vụ Quốc hội của Việt Nam, Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng, Văn phòng Chính phủ, các Bộ, các Ủy ban Nhân dân hoặc bất kỳ các Cơ quan, các Sở trực

thuộc và bất kỳ hoặc tất cả các Ủy ban, Bộ trưởng, Hội đồng, Sở ban ngành, Cơ quan hoặc Viên chức khác, mà việc họ chấp thuận, phê chuẩn, đăng ký, cam kết, tham gia hoặc tư vấn là cần thiết cho Công ty đối với tất cả những vấn đề đề cập đến và dự kiến trong Điều lệ này.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường có nghĩa là cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông khác ngoài Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, được triệu tập theo quy định của Điều 20.4 của Điều lệ này.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên có nghĩa là các cuộc họp hằng năm của Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo Điều 20.1 của Điều lệ này.

Đại hội đồng cổ đông có nghĩa là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền hạn và hoạt động căn cứ theo Điều lệ này và theo qui định của Pháp luật.

Điều lệ có nghĩa là bản điều lệ này của Công ty, có thể được sửa đổi hoặc bổ sung vào từng thời điểm.

Giao dịch với Người có liên quan có nghĩa là giao dịch, hợp đồng giữa Công ty và các chủ thể theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có nghĩa là văn bản bằng bản giấy hoặc thông điệp dữ liệu chứa đựng thông tin về đăng ký doanh nghiệp của Công ty do Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp, có thể được sửa đổi hoặc bổ sung vào từng thời điểm trong quá trình hoạt động.

Giấy tờ pháp lý của cá nhân có nghĩa là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định Pháp luật.

Giấy tờ pháp lý của tổ chức có nghĩa là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác theo quy định Pháp luật.

HOSE có nghĩa là Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng quản trị có nghĩa là hội đồng quản trị của Công ty được Đại hội đồng cổ đông bầu và có quyền hạn và trách nhiệm như quy định trong Điều lệ này và theo quy định của Pháp luật.

Luật Doanh nghiệp có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020 và được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

Năm có nghĩa là năm dương lịch (để phân biệt với năm tài chính và những khái niệm thời gian khác).

Ngày thành lập có nghĩa là ngày 23/07/2007, ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu.

Người có nghĩa là bất kỳ cá nhân, tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc không có tư cách pháp nhân được xác định là đối tượng điều chỉnh của một hoặc nhiều văn bản qui phạm pháp luật do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, Điều lệ này và/hoặc các văn bản quản trị, điều hành của Công ty.

Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em

dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

Người có liên quan có nghĩa là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán, cụ thể như sau:

1. Tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp sau đây:
 - (a) Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ; hoặc
 - (b) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con; hoặc
 - (c) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, thuê mua cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty; hoặc
 - (d) Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật; hoặc
 - (đ) Người có quan hệ gia đình của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối; hoặc
 - (e) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, tổ chức quy định tại các điểm (a), (b) và (c) Mục 1 định nghĩa này; hoặc
 - (g) Doanh nghiệp trong đó những người, tổ chức quy định tại các điểm (a), (b), (c), (d), (đ) và (e) định nghĩa này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó.
2. Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - (a) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó; hoặc
 - (b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% (mười phần trăm) số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó; hoặc
 - (c) Doanh nghiệp và Người nội bộ của doanh nghiệp đó; hoặc
 - (d) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát; hoặc
 - (e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia.

Người nội bộ có nghĩa là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.

Pháp luật có nghĩa là các Luật, Nghị định, Quyết định, Thông tư, Quy định và các văn bản có hiệu lực pháp lý khác do bất kỳ một Cơ quan Nhà nước nào ban hành (các văn bản pháp lý này có thể được sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế vào từng thời điểm) có liên quan đến Công ty.

Sổ biên bản có nghĩa là sổ lưu trữ tất cả các biên bản của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và cuộc họp Hội đồng quản trị.

Sổ đăng ký cổ đông có nghĩa là sổ do Công ty lập, ghi nhận thông tin Cổ phần, thông tin Cổ đông và được lưu giữ theo quy định của Điều lệ này.

Sự chấp thuận của Cơ quan Nhà nước có nghĩa là mọi sự chấp thuận, giấy phép, giấy đăng ký, hoặc các văn bản phê chuẩn khác trong phạm vi quyền hạn của các Cơ quan Nhà nước mà theo Công ty là cần thiết để tiến hành các hoạt động kinh doanh và/hoặc để thực hiện các hoạt động khác được dự kiến bởi Pháp luật hoặc bởi Điều lệ này.

Tháng có nghĩa là tháng theo dương lịch.

Thời hạn hoạt động được định nghĩa như tại Điều 2 của Điều lệ này.

Thông tin mật được định nghĩa như tại [Điều 64](#) của Điều lệ này.

Tranh chấp có nghĩa là mọi vấn đề nghi ngờ, tranh chấp, mâu thuẫn, hoặc yêu sách phát sinh do, hoặc liên quan đến Điều lệ này hoặc hoạt động của Công ty.

Vốn điều lệ có nghĩa là số vốn được ghi nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.

Đô la Mỹ hoặc USD có nghĩa là đơn vị tiền tệ chính thức của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

Việt Nam có nghĩa là Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Việt Nam Đồng hoặc VND có nghĩa là đơn vị tiền tệ chính thức của Việt Nam.

VSD có nghĩa là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

PHỤ LỤC 2. THÔNG TIN VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, CHI NHÁNH, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CỦA CÔNG TY

1. Thông tin về văn phòng đại diện:

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà VietJet Plaza, Số 60A Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Thông tin về địa điểm kinh doanh:

PHÒNG VÉ HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET

Địa chỉ: Tầng 2, Toà nhà HDBank, Số 32 phố Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

3. Thông tin về chi nhánh:

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET - CHI NHÁNH TẠI MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 157-159 Hàm Nghi, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

PHỤ LỤC 3. DANH MỤC NGÀNH NGHỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty gồm:

1. Vận tải hành khách hàng không: Vận tải hàng không; Vận tải hàng không hành khách (theo lịch trình và không theo lịch trình) nội địa và quốc tế;
2. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy, ô tô;
3. Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá);
4. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng;
5. Vận tải hành khách đường bộ khác: Dịch vụ vận tải bằng đường bộ;
6. Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê xe ô tô, Cho thuê xe có động cơ khác;
7. Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch: Các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
8. Điều hành tua du lịch (không bao gồm kinh doanh dịch vụ đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài);
9. Đại lý du lịch (không bao gồm kinh doanh dịch vụ đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài);
10. Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở), Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh;
11. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng và khai thác các cơ sở vật chất cho việc bảo dưỡng máy bay; Xây dựng và khai thác các trung tâm điều hành bay; Xây dựng và khai thác cơ sở vật chất cho nhà ga sân bay;
12. Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Đào tạo, huấn luyện nhân viên hàng không và các nhân viên chuyên ngành khác;
13. Vận tải hàng hóa hàng không: Vận tải hàng hóa công cộng thường xuyên nội địa và quốc tế;
14. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: Các dịch vụ hỗ trợ hàng không, dịch vụ mặt đất bao gồm dịch vụ hành khách, dịch vụ bảo trì, làm sạch và cung cấp các dịch vụ khác cho máy bay đỗ tại nhà ga sân bay, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ cung cấp ăn uống; Bảo dưỡng máy bay định kỳ và bảo dưỡng không thường xuyên; Dịch vụ cung cấp phụ tùng máy bay; Dịch vụ tiếp nhiên liệu máy bay;
15. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Khai thác máy bay có sức chứa lớn, máy bay hàng không chung (máy bay bình thường và máy bay trực thăng) trên đất và trên mặt nước; Khai thác máy bay thuê; (chỉ khi được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

16. Bán buôn tổng hợp: Kinh doanh bán hàng miễn thuế;
17. Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa: Đại lý máy móc, thiết bị công nghiệp, tàu thuyền, máy bay;
18. Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm: Hoạt động của đại lý bảo hiểm;
19. Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển: Cho thuê thiết bị vận tải hàng không không kèm người điều khiển (máy bay);
20. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán máy bay;
21. Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;
22. Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống khác phục vụ lưu động: Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác;
23. Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
24. Dịch vụ phục vụ đồ uống;
25. Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động: Bán lẻ rượu, bia, nước uống có ga hoặc không ga, đồ uống có cồn hoặc không có cồn, nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai, thực phẩm chức năng (bao gồm kinh doanh hàng miễn thuế);
26. Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động (bao gồm kinh doanh hàng miễn thuế);
27. Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ: Bán lẻ thiết bị viễn thông, thiết bị ngoại vi (bao gồm kinh doanh hàng miễn thuế);
28. Hoạt động viễn thông không dây;
29. Hoạt động viễn thông vệ tinh;
30. Hoạt động viễn thông khác: Hoạt động viễn thông khác, hoạt động đại lý Internet, hoạt động của các điểm truy cập Internet;
31. Những ngành nghề khác theo yêu cầu của hoạt động kinh doanh của Công ty theo từng thời kỳ và phù hợp với quy định của Pháp luật.